



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 8

Số 27 (31/8/2006)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ		
21-7-2006	- Quyết định số 113/2006/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Công trình xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm (giai đoạn 2006 - 2010).	3
21-7-2006	- Quyết định số 114/2006/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chương trình nhà ở (giai đoạn 2006 - 2010).	10
21-7-2006	- Quyết định số 115/2006/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế (giai đoạn 2006 - 2010).	17
21-7-2006	- Quyết định số 116/2006/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Công trình xây dựng Khu Công nghệ cao (giai đoạn 2006 - 2010).	28

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 2

- 14-7-2006 - Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐND về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2006. 40
- 14-7-2006 - Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐND về quyết toán ngân sách năm 2005. 43
- 14-7-2006 - Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐND về điều chỉnh ngân sách năm 2006. 45

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 3

- 21-7-2006 - Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐND về quyết toán ngân sách năm 2005. 47
- 21-7-2006 - Nghị quyết số 04/2006/NQ-HĐND về quy hoạch kinh doanh ngành nghề “nhạy cảm” trên địa bàn quận 3 trong năm 2006 - 2007. 49
- 21-7-2006 - Nghị quyết số 05/2006/NQ-HĐND về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2006 - 2010) của quận 3. 51
- 21-7-2006 - Nghị quyết số 06/2006/NQ-HĐND về nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 3 đến năm 2020. 52
- 21-7-2006 - Nghị quyết số 07/2006/NQ-HĐND về thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2006. 53

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3

- 03-8-2006 - Quyết định số 101/2006/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình quận 3. 55

THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 113/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động
thực hiện Công trình xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm
(giai đoạn 2006 - 2010)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố khóa VIII;

Căn cứ Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa VIII, kỳ họp lần thứ 3 ngày 10 và 11 tháng 4 năm 2006 và Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Thành ủy về thực hiện Công trình xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm (giai đoạn 2006 - 2010),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Công trình xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm (giai đoạn 2006 - 2010).

Điều 2. Phân công Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Văn Đua theo dõi và chỉ đạo triển khai thực hiện Công trình này. Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm là cơ quan thường trực phụ trách Công trình.

Điều 3. Cơ quan thường trực phụ trách Công trình có trách nhiệm cụ thể hóa thành kế hoạch tổ chức thực hiện hàng năm và chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện. Thủ trưởng các sở - ngành thành phố có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 căn cứ Kế hoạch này xây dựng kế

hoạch cụ thể 5 năm 2006 - 2010 và hàng năm, nhằm thực hiện đạt hiệu quả cao nhất các nội dung trọng tâm và những giải pháp chủ yếu của Công trình.

Điều 4. Giao cơ quan thường trực tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng quý về kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc cần giải quyết cho Ủy ban nhân dân thành phố; sơ kết hàng năm kết quả thực hiện; đề xuất điều chỉnh, bổ sung những nội dung, chỉ tiêu, giải pháp cụ thể cho Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh đột xuất, cơ quan thường trực báo cáo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp chỉ đạo giải quyết.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kế hoạch triển khai Chương trình hành động
thực hiện Công trình xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm
(giai đoạn 2006 - 2010)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 113/2006/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. MỤC TIÊU

Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm thành một trung tâm đô thị văn minh, hiện đại, trung tâm tài chính - dịch vụ - thương mại cao cấp của thành phố và khu vực theo cơ chế tổ chức quản lý mới, nhằm tạo bước đột phá đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng dịch vụ, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII đề ra, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện thành phố trong giai đoạn mới.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2010

1. Tập trung nghiên cứu, xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi về đầu tư, về tài chính, về tổ chức quản lý đầu tư xây dựng và triển khai kế hoạch quảng bá, xúc tiến đầu tư Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

2. Hoàn thành quy hoạch chi tiết 1/500, lập dự án, kế hoạch đầu tư phát triển Khu đô thị mới Thủ Thiêm (2006 - 2007); bồi thường, thu hồi mặt bằng khu đô thị (657 ha) và các khu tái định cư (180 ha); đầu tư, xây dựng, bố trí tái định cư (12.629 căn hộ, 2.867 nền đất). Hoàn thành cơ bản hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính Khu đô thị mới Thủ Thiêm: (mạng lưới đường giao thông, bến tàu, hệ thống giao thông công cộng đường thủy; hệ thống điện, cấp, thoát nước, thông tin liên lạc, các công trình công cộng, văn hóa, kiến trúc (trung tâm hành chính, trung tâm hội nghị - triển lãm quốc tế, trung tâm văn hóa, thể thao - giải trí, quảng trường trung tâm, công viên, lâm viên...)).

3. Tăng cường đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, thu hút các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia thực hiện các dự án xây dựng khu đô thị theo mục tiêu, quy hoạch và kế hoạch đầu tư đã phê duyệt. Phấn đấu đến năm 2010, quy mô đầu tư đạt 40 - 50% quy hoạch (2,5 - 3 triệu m² xây dựng các khu nhà ở, trung tâm thương mại, dịch vụ, trường học, bệnh viện...).

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ cụ thể:

1.1. Công tác quy hoạch, nghiên cứu cơ bản:

- + Lập quy hoạch chi tiết 1/500 Khu đô thị mới Thủ Thiêm (2006 - 2007);
- + Lập và trình duyệt dự án đầu tư Khu đô thị mới Thủ Thiêm (2006 - 2007), sau khi Kế hoạch đầu tư phát triển Thủ Thiêm được duyệt;
- + Khảo sát, nghiên cứu thủy văn, thủy lực, diễn biến dòng chảy, giải pháp bảo vệ bờ và môi trường sinh thái của hệ thống sông, kênh rạch khu vực trung tâm đô thị mới Thủ Thiêm (2006);

+ Nghiên cứu lâm sinh khu vực đô thị mới Thủ Thiêm (2006);

+ Nghiên cứu đặc điểm lịch sử văn hóa dân tộc khu vực (2006);

+ Xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) Khu đô thị mới Thủ Thiêm (2007);

1.2- Công tác quản lý đầu tư phát triển:

+ Hoàn chỉnh "Kế hoạch đầu tư phát triển Thủ Thiêm" (2006);

+ Lập, trình duyệt và ban hành cơ chế, chính sách đầu tư tại Khu đô thị mới Thủ Thiêm (2006), gồm kế hoạch tổng thể; cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư, cơ chế và kế hoạch tài chính đầu tư phát triển Thủ Thiêm, cơ chế, tổ chức quản lý đầu tư xây dựng trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm và mô hình quản lý hành chính, quản lý các dịch vụ công cộng;

+ Tổ chức bộ máy và cơ chế quản lý đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm, xây dựng quy chế hoạt động;

+ Lập, trình duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch quảng bá, xúc tiến đầu tư.

1.3. Các dự án cụ thể:

1.3.1. Các công trình đầu tư bằng nguồn vốn của thành phố (hạch toán vào dự án Thủ Thiêm):

a) Các dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật chính:

+ Mạng lưới đường giao thông (bao gồm các cầu lớn, nhỏ trong khu Thủ Thiêm và chuẩn bị đầu tư các cầu nối Thủ Thiêm với thành phố theo quy hoạch đã duyệt);

+ Đầu tư bến tàu và hệ thống giao thông công cộng đường thủy;

+ San nền, tạo hồ, cải tạo kênh rạch;

+ Cấp nước;

+ Cấp điện;

+ Thông tin liên lạc;

+ Thoát nước.

b) Các công trình công cộng, văn hóa, kiến trúc tiêu biểu:

+ Quảng trường trung tâm;

+ Cầu đi bộ nối với quận 1 (khởi công sau khi di dời Ba Son);

+ Công viên bờ sông, ven hồ;

+ Lâm viên sinh thái;

+ Trung tâm Hội nghị - Triển lãm quốc tế;

+ Tháp quan sát;

+ Trung tâm thể thao - giải trí;

+ Bảo tàng (Trung tâm văn hóa);

+ Trung tâm hành chính.

Phương thức đầu tư cụ thể của từng dự án sẽ được xác định rõ hơn trong quá trình nghiên cứu chuẩn bị đầu tư và trình duyệt.

1.3.2. Đối với các công trình kinh doanh, kêu gọi đầu tư:

a) Tổ chức xúc tiến đầu tư, hướng dẫn công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư theo qui định của Luật Xây dựng, theo đúng tiến độ và các phương thức đầu tư trong kế hoạch đầu tư phát triển Thủ Thiêm được duyệt.

b) Dự kiến giai đoạn 1 (từ 2007 - 2010) lập kế hoạch, quảng bá và xúc tiến kêu gọi đầu tư theo tiến độ thực hiện phát triển hạ tầng kỹ thuật và các kiến trúc tiêu biểu. Tổng qui mô đầu tư khoảng 40 - 50% theo qui hoạch (2,5 - 3 triệu m² xây dựng), bao gồm:

+ Các khu nhà ở;

+ Các trung tâm thương mại, dịch vụ cấp thành phố và khu vực;

+ Khách sạn, khu giải trí;

+ Văn phòng giao dịch;

+ Trường học, bệnh viện và các trung tâm dịch vụ cao cấp khác.

2. Giải pháp chủ yếu:

2.1. Có kế hoạch tổng thể và chương trình triển khai thực hiện các dự án theo quy hoạch phát triển khu Thủ Thiêm. Ưu tiên bố trí vốn và tập trung chỉ đạo để vừa

hoàn tất công tác bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng (khoảng 10.000 tỷ đồng), vừa khẩn trương triển khai đồng loạt các công tác nghiên cứu, chuẩn bị đầu tư cho các dự án tại Thủ Thiêm với yêu cầu chất lượng rất cao (hầu hết dự án phải sử dụng tư vấn quốc tế, thi tuyển kiến trúc mở rộng). Khẩn trương lập quy hoạch chi tiết 1/500 và lập các dự án đầu tư của giai đoạn đầu (theo Nghị định số 02/2006/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ), trình duyệt và tổ chức thực hiện ngay đầu năm 2007.

2.2. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành chính sách điều chỉnh để triển khai kịp thời kế hoạch bồi thường giải phóng mặt bằng theo hướng bồi thường bằng tiền cho các hộ chủ động mua quỹ nhà đất ở quận 2 và các nơi khác; chính sách hỗ trợ cho trên 1.200 hộ nghèo, không đủ để tái định cư; chính sách hỗ trợ cho đối tượng ở cư xá công nhân; chủ trương bồi thường và cho tạm cư tại chỗ.

2.3. Điều chỉnh quy hoạch quận 2 và khu vực phía Đông thành phố, các khu ven sông Sài Gòn (sau khi di dời cảng ở quận Bình Thạnh, quận 1, quận 4, quận 7), đặc biệt là vùng tiếp giáp trực tiếp (80 ha chỉnh trang), nhằm đảm bảo khai thác lợi thế và đồng bộ với chương trình phát triển Thủ Thiêm và kết nối tốt hạ tầng kỹ thuật của Khu Thủ Thiêm với các khu vực lân cận. Các chương trình, công trình, dự án của thành phố có liên quan trực tiếp đến kế hoạch đầu tư, phát triển Thủ Thiêm cần phối hợp thực hiện đồng bộ như:

- Kế hoạch đầu tư phát triển metro và giao thông công cộng thành phố (bao gồm cả giao thông công cộng đường thủy, xe điện hoặc monoray).
- Các dự án cải tạo kênh rạch, môi trường nước thành phố.
- Kế hoạch di dời cảng thành phố.
- Kế hoạch đầu tư hệ thống xe lửa khu vực thành phố Hồ Chí Minh và vùng (ga đường sắt chính ở quận 2).
- Đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành (sân bay mới Long Thành) và các dự án đầu tư giao thông lớn trong khu vực (cầu đường Phú Mỹ, đường Đông Tây, đường cao tốc nối Sân bay Tân Sơn Nhất...).

2.4. Sau khi "Kế hoạch đầu tư phát triển Thủ Thiêm" được nghiên cứu hoàn thiện (tháng 8 năm 2006), Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Thành ủy hoặc Ban Thường vụ Thành ủy những chủ trương lớn về kế hoạch tổng thể và chương trình hành động (chi tiết từng dự án) đến 2010, những cơ chế, chính sách để có Nghị quyết chuyên đề đối với công trình này, nhằm tạo ra sự thống nhất và tập trung chỉ đạo cao nhất, đảm bảo đạt được mục tiêu của chương trình.

2.5. Về cơ chế, tổ chức bộ máy thực hiện đầu tư và quản lý đầu tư phù hợp, để đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển Khu đô thị mới Thủ Thiêm (quản lý, tư vấn toàn diện), cần thiết mở rộng cơ chế thu hút cán bộ, chuyên gia giỏi (thuê chuyên gia, tư vấn cao cấp quốc tế điều hành, hỗ trợ bộ máy thực hiện đầu tư và quản lý đầu tư; mở rộng đấu thầu quốc tế về tư vấn, thi công, quản lý và thi tuyển kiến trúc).

2.6. Trung ương ban hành cơ chế, chính sách đảm bảo cho mục tiêu phát triển Thủ Thiêm:

2.6.1. Các chính sách kích cầu và ưu đãi đầu tư để có thể thu hút được các nguồn đầu tư lớn về dịch vụ cao cấp quốc tế như ngân hàng, bảo hiểm, thị trường chứng khoán, dịch vụ tài chính - đầu tư, dịch vụ vận tải, du lịch, khoa học - công nghệ cao quốc tế (đây là một nội dung quan trọng liên quan đến Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố).

2.6.2. Chính sách kích cầu, ưu tiên đầu tư nhà ở và thị trường bất động sản cao cấp tại Thủ Thiêm (như nhà ở cho Việt kiều, người nước ngoài ở Thủ Thiêm). Thí điểm này tạo ra môi trường hấp dẫn hơn đối với thị trường bất động sản cao cấp ở Thủ Thiêm, tạo ra giá trị gia tăng cao, hiệu quả và tính khả thi về tài chính, chất lượng đầu tư như mục tiêu đã đề ra. Trong tổ chức nghiên cứu và triển khai cần gắn kết chặt chẽ, đồng bộ với Chương trình nhà ở của thành phố.

2.6.3. Cơ chế quản lý đầu tư "một cửa" tại Thủ Thiêm theo hướng hội nhập quốc tế để tạo điều kiện cho yêu cầu cạnh tranh khu vực, thu hút đầu tư quốc tế (phối hợp với Chương trình cải cách hành chính).

2.6.4. Mô hình quản lý đô thị mới, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh, sinh sống tốt hơn (gắn kết với Chương trình cải cách hành chính của thành phố và thí điểm mô hình Chính quyền đô thị mới cho Thủ Thiêm).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giao Ban Quản lý Khu đô thị mới Thủ Thiêm cụ thể hóa chương trình, kế hoạch, giải pháp, biện pháp và lộ trình triển khai Chương trình hành động này, gắn với việc thực hiện các chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố đến năm 2010; các sở - ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận 2 xây dựng kế hoạch thực hiện; thường xuyên kiểm tra việc triển khai thực hiện của các cấp, các ngành, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 114/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động
thực hiện Chương trình nhà ở (giai đoạn 2006 - 2010)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố khóa VIII;

Căn cứ Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa VIII, kỳ họp lần thứ 3 ngày 10 và 11 tháng 4 năm 2006 và Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Thành ủy về thực hiện Chương trình nhà ở (giai đoạn 2006 - 2010),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chương trình nhà ở (giai đoạn 2006 - 2010).

Điều 2. Phân công Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Văn Đua theo dõi và chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình này. Sở Xây dựng là cơ quan thường trực phụ trách Chương trình này.

Điều 3. Cơ quan thường trực phụ trách Chương trình có trách nhiệm cụ thể hóa thành kế hoạch tổ chức thực hiện hàng năm và chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp có liên quan triển khai thực hiện. Thủ trưởng các sở - ngành thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp thuộc thành phố căn cứ Kế hoạch này xây dựng kế hoạch cụ thể 5 năm 2006 - 2010 và hàng năm, nhằm thực hiện đạt hiệu quả cao nhất các nội dung trọng tâm và những giải pháp chủ yếu của Chương trình.

Điều 4. Giao cơ quan thường trực tổng hợp báo cáo định kỳ hàng quý về kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc cần giải quyết cho Ủy ban nhân dân thành phố; sơ kết hàng năm kết quả thực hiện; đề xuất điều chỉnh, bổ sung những nội dung, chỉ tiêu, giải pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh đột xuất, cơ quan thường trực báo cáo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp chỉ đạo giải quyết.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp thuộc thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kế hoạch triển khai Chương trình hành động
thực hiện Chương trình nhà ở (giai đoạn 2006 - 2010)**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 114/2006/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. MỤC TIÊU

Động viên mọi nguồn lực trong xã hội, các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư xây dựng nhà ở. Phân đấu đến năm 2010 nâng diện tích nhà ở bình quân của nhân dân thành phố lên 14 m²/người (hiện nay là 10,3m²/người), diện tích nhà ở tăng thêm 32 triệu m² (hiện nay là 69,5 triệu m²); cụ thể như sau:

1. Tiếp tục di dời và tái định cư nhà ở ven và trên kênh rạch khu vực nội thành.
2. Nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội, chỉnh trang nhà ở tại các khu dân cư, đô thị.
3. Giải quyết một phần nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.
4. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài, tổ chức và cá nhân tham gia xây dựng nhà ở trên địa bàn thành phố.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2010

1. Nghiên cứu, xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách động viên, khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển quỹ nhà ở của thành phố; tạo điều kiện cho cá nhân, hộ gia đình tự xây dựng nhà ở đạt bình quân 4 triệu m²/năm; các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở đạt bình quân 1,5 triệu m²/năm. Tập trung chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để tiếp tục thực hiện trên 500 dự án (5.000 ha) đã giao đất, thỏa thuận địa điểm đầu tư hạ tầng, góp phần khai thông, phát triển thị trường bất động sản; chấn chỉnh, xử lý tồn đọng trong thực hiện các dự án phân lô hộ lẻ để tiếp tục đầu tư hoàn thành cơ sở hạ tầng kỹ thuật và nhà ở.

2. Đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư và triển khai các dự án xây dựng 30.000 căn hộ phục vụ yêu cầu bố trí tái định cư cho các dự án đầu tư của thành phố; di dời và tái định cư 15.000 hộ dân sống ven và trên kênh rạch nội thành (Tân Hóa - Lò Gốm và các chi lưu: 4.074 hộ; kênh Tham Lương - Bến Cát, Vàm Thuật - Rạch Nước Lên (giai đoạn 1): 1.000 hộ; các chi lưu Nhiều Lộc - Thị Nghè: 4.800 hộ; Kênh Đồi - Kênh Tẻ: 4.676 hộ).

3. Xây dựng 25.000 căn hộ cho người có thu nhập thấp, cán bộ, công chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang thuê, mua; 20.000 phòng cho công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao thuê ở; 200 căn nhà công vụ.

4. Nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội, chỉnh trang nhà ở trong các khu dân cư đô thị (đầu tư giải quyết thoát nước, cấp nước, điện, mở rộng hẻm,... ở 104 khu dân cư lụp xụp với 74.877 hộ dân cư trú); thay thế các chung cư, nhà ở tập thể có nguy cơ sụp (40 chung cư với 4.500 hộ dân cư trú), nhằm sắp xếp, bố trí lại dân cư, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Đối với các khu dân cư quá lụp xụp, chỉnh trang không hiệu quả, cần điều chỉnh quy hoạch, tăng hệ số sử dụng đất, xây dựng chung cư cao tầng để tái bố trí dân cư, kết hợp khai thác quỹ đất để tạo vốn.

5. Đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật một số điểm dân cư nông thôn tập trung, qua đó tổ chức rút kinh nghiệm và từng bước nhân rộng để bảo đảm mục tiêu sống của nhân dân ngoại thành. Phấn đấu đến năm 2010, đạt 20% nhà kiên cố ở ngoại thành.

III. CÁC CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN NHÀ Ở GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Dự kiến bình quân mỗi năm xây dựng mới 6,4 triệu m² nhà ở. Đồng thời, giải tỏa nhà ở trên kênh rạch, nhà ở phải di dời trong các dự án đầu tư hạ tầng; tháo dỡ các chung cư, nhà tập thể hư hỏng nặng với diện tích khoảng 1,6 triệu m².

1. Ngân sách thành phố cân đối vốn đầu tư chủ yếu cho các chương trình:

1.1. Xây dựng mới 30.000 căn hộ phục vụ tái định cư : 1,8 triệu m²

1.2. Thay thế chung cư đã hết thời gian sử dụng, đang hư hỏng nặng : 0,3 triệu m²

2. Xã hội hóa đầu tư xây dựng nhà ở:

2.1. Nhà ở cho công nhân thuê : 1,0 triệu m²

2.2. Nhà ở xã hội (đối tượng là cán bộ, công chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, không thuộc các đối tượng nêu ở mục 1.1, 1.2, 2.1) : 1,1 triệu m²

2.3. Nhà ở trong các dự án khu dân cư : 7,5 triệu m²

3. Hộ gia đình và cá nhân xây dựng mới, cải tạo mở rộng diện tích nhà ở:

3.1. Cải tạo, mở rộng diện tích nhà ở : 5,0 triệu m²

3.2. Xây dựng mới : 15,0 triệu m²

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về tài chính:

1.1. Có chính sách ưu đãi và khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước bỏ vốn đầu tư xây dựng chung cư cao tầng để tạo quỹ nhà ở; huy động vốn đóng góp của các đối tượng có nhu cầu mua, thuê nhà để xây dựng quỹ nhà ở của thành phố.

1.2. Chủ động tạo vốn từ việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với quỹ đất do Nhà nước trực tiếp quản lý; đấu giá quỹ đất dôi ra để tạo vốn, thông qua chính trang các khu dân cư lụp xụp, đấu thầu dự án; phát hành trái phiếu đô thị, trái phiếu công trình để huy động vốn đầu tư xây dựng nhà ở; huy động vốn từ các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và đầu tư tài chính trong và ngoài nước; triển khai quỹ quay vòng vốn cho các hộ nghèo vay để sửa chữa tạo lập nhà ở. Hiện nay đã có vốn của Ngân hàng thế giới (WB) cho vay 10 triệu USD, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ Phát triển nhà ở thành phố. Huy động vốn trong dân để đầu tư kết cấu hạ tầng và chính trang các khu vực dân cư theo hướng Nhà nước và nhân dân cùng làm.

1.3. Đẩy nhanh tiến độ việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở để các tổ chức và cá nhân có thể vay vốn để đầu tư xây dựng nhà ở; có quy định khuyến khích các ngành như điện lực, cấp nước, bưu chính - viễn thông đầu tư xây dựng và khai thác, kinh doanh các công trình kỹ thuật chuyên ngành, góp phần đẩy nhanh tiến độ hình thành các khu dân cư theo quy hoạch.

1.4. Huy động vốn đóng góp của các đối tượng có nhu cầu mua nhà ở với tỉ lệ nhất định ban đầu, phần còn lại vay từ Quỹ Phát triển nhà ở hoặc các nguồn tài chính khác. Riêng đối tượng thuê, thuê mua nhà ở xã hội đóng góp một phần lương hàng tháng để được ưu tiên giải quyết được thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội. Đối với các hộ dân có điều kiện xây dựng nhà ở cho công nhân các khu công nghiệp, khu chế xuất thuê, thành phố tạo điều kiện cho vay vốn và hướng dẫn thủ tục thực hiện.

2. Về đất đai:

2.1. Xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, xác định diện tích đất cho phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn; đồng thời, có lộ trình

quản lý và sử dụng quỹ đất hiệu quả. Tiến hành đánh giá thổ nhưỡng, tiềm năng và lợi thế từng khu vực để xác định các khu dân cư cho phù hợp với trước mắt và lâu dài.

2.2. Quản lý chặt chẽ quỹ đất do Nhà nước trực tiếp quản lý; ưu tiên dành đất cho việc bố trí nhà ở xã hội hoặc hoán đổi đất công bằng hình thức ghép thửa để có đủ quỹ đất xây dựng nhà ở. Chủ động tạo quỹ đất từ việc quy hoạch điều chỉnh sử dụng đất, chỉnh trang đô thị, kể cả những khu công nghiệp, khu chế xuất để có quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội và nhà ở cho công nhân thuê.

2.3. Rà soát lại quỹ đất đã giao, kiên quyết thu hồi đất đã giao đối với những chủ đầu tư không có khả năng thực hiện hoặc kéo dài thời gian so với quy định pháp luật.

3. Về quy hoạch và xây dựng:

3.1. Triển khai kế hoạch thực hiện quy hoạch tại các khu đô thị mới và chỉnh trang khu vực nội thành; xác định thứ tự ưu tiên thực hiện của từng dự án. Lập quy hoạch điều chỉnh sử dụng đất đối với những khu chung cư bị hư hỏng nặng theo hướng tái bố trí các hộ dân tại các khu chung cư mới để khai thác nền đất cũ hiệu quả hơn (xây dựng công trình thương mại, văn phòng, dịch vụ hoặc tổ chức đấu giá tạo vốn để xây dựng chung cư tái định cư).

3.2. Xây dựng cao độ thoát nước toàn thành phố và từng quận - huyện để làm cơ sở xác định cao trình san nền, san lấp mặt bằng và bố trí hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật phải tính đến khả năng kết hợp giữa các ngành giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước và các hệ thống kỹ thuật khác để quy hoạch thực hiện đồng bộ, kết nối liên thông nhau và không làm phá vỡ quy hoạch.

3.3. Công khai hóa quy hoạch chi tiết, quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã được duyệt bằng nhiều hình thức thích hợp cho nhà đầu tư và nhân dân biết để tham gia đầu tư xây dựng và phát triển nhà ở. Tổ chức công bố bổ sung, điều chỉnh lộ giới các tuyến đường, nhất là các tuyến đường mới kết hợp với việc cắm mốc để nhân dân biết rõ và có ý thức chấp hành.

3.4. Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới trong xây dựng trên địa bàn thành phố, sử dụng các loại vật liệu mới để tiết kiệm thời gian xây dựng và đảm bảo chất lượng cao cho công trình; áp dụng trước tiên các dự án xây dựng chung cư cao tầng và tầng chiều cao công trình để tiết kiệm đất phục vụ cho công trình phúc lợi công cộng.

4. Về quản lý:

4.1. Hình thành đồng bộ hệ thống bộ máy hành chính ở các cấp về đầu tư phát triển và quản lý nhà ở. Tiếp tục cải cách hành chính trong lĩnh vực quy hoạch, quản

lý đất đai, đầu tư xây dựng nhà ở, cải cách thủ tục đơn giản, dễ thực hiện nhưng hiệu quả. Đẩy mạnh hoạt động dịch vụ công thông qua các trung tâm của sở - ngành quản lý Nhà nước.

4.2. Hình thành hệ thống thông tin trong quản lý nhà ở, xây dựng quy chế cập nhật, khai thác thông tin để phục vụ công tác quản lý Nhà nước và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân. Ban hành các quy định để các trung tâm tư vấn, trung tâm giao dịch bất động sản hoạt động có trật tự, đáp ứng nhu cầu rất lớn hiện nay của xã hội về giao dịch nhà ở, quy định để doanh nghiệp có sử dụng lao động đóng góp kinh phí xây dựng nhà ở cho công nhân thuê.

4.3. Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo các dự án nâng cấp đô thị để theo dõi tổng hợp và đề xuất xử lý kịp thời những phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình nhà ở.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giao Sở Xây dựng cụ thể hóa chương trình, kế hoạch, giải pháp, biện pháp và lộ trình triển khai thực hiện Chương trình nhà ở, gắn với việc thực hiện các chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010. Các sở - ngành, quận - huyện có liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện; thường xuyên kiểm tra việc triển khai thực hiện của các cấp, các ngành, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 115/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động
thực hiện Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế
(giai đoạn 2006 - 2010)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố khóa VIII;

Căn cứ Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa VIII, kỳ họp lần thứ 3 ngày 10 và 11 tháng 4 năm 2006 và Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Thành ủy về thực hiện Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế (giai đoạn 2006 - 2010),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế (giai đoạn 2006 - 2010).

Điều 2. Phân công Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Hữu Tín theo dõi và chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình này. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực phụ trách Chương trình.

Điều 3. Cơ quan thường trực phụ trách Chương trình có trách nhiệm cụ thể hóa thành kế hoạch tổ chức thực hiện hàng năm và chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan triển khai thực hiện. Thủ trưởng các sở - ngành thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp thuộc thành phố căn cứ Kế hoạch này xây dựng kế hoạch cụ thể 5 năm 2006 - 2010 và hàng năm, nhằm thực hiện đạt hiệu quả cao nhất các nội dung trọng tâm và những giải pháp chủ yếu của Chương trình.

Điều 4. Giao cơ quan thường trực tổng hợp báo cáo định kỳ hàng quý về kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc cần giải quyết cho Ủy ban nhân dân thành phố. Giao Viện Kinh tế sơ kết hàng năm kết quả thực hiện; đề xuất điều chỉnh, bổ sung những nội dung, chỉ tiêu, giải pháp cụ thể cho Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh đột xuất, cơ quan thường trực báo cáo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp chỉ đạo giải quyết.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp thuộc thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kế hoạch triển khai Chương trình hành động
thực hiện Chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế
(giai đoạn 2006 - 2010)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 115/2006/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. MỤC TIÊU

1. Thông qua các chính sách, giải pháp và các công cụ quản lý Nhà nước nhằm định hướng và hỗ trợ các thành phần kinh tế tập trung đầu tư phát triển nhanh các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ có hiệu quả kinh tế cao góp phần thúc đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn thành phố.

2. Phần đầu trong giai đoạn năm 2006 - 2010, tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân hàng năm các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, được xác định là thế mạnh của thành phố, cao hơn ít nhất là 1,2 lần tốc độ tăng trưởng bình quân của mỗi khu vực kinh tế (dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và nông nghiệp). Tạo sự biến đổi căn bản chất lượng tăng trưởng của từng khu vực kinh tế, thể hiện qua sự chuyển dịch nhanh cơ cấu nội bộ các ngành kinh tế, tăng tỉ trọng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ có giá trị gia tăng, hàm lượng khoa học - kỹ thuật cao, nhằm tạo tiền đề cần thiết để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng bền vững trong các năm tiếp theo.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Các ngành dịch vụ:

Khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng bình quân 12%/năm. Giai đoạn sau năm 2010, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng; tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu kinh tế thành phố ngày càng tăng lên. Để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực dịch vụ, cần tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở 9 ngành dịch vụ sau:

1.1. Tài chính - tín dụng - ngân hàng - bảo hiểm: Tập trung nghiên cứu, xây dựng định chế tài chính, phát triển sản phẩm và thị trường tài chính. Về sản phẩm tài chính, hiện đại hóa hệ thống thanh toán, khuyến khích công dân sử dụng hệ thống tài

khoản và các loại thẻ điện tử trong giao dịch, giảm thiểu giao dịch bằng tiền mặt. Phát triển các sản phẩm tài chính phái sinh (derivatives) của thị trường tài chính. Ngoài hệ thống ngân hàng, sẽ đẩy mạnh phát triển hệ thống tài chính phi ngân hàng như thị trường chứng khoán, các loại quỹ đầu tư, các tổ chức bảo hiểm. Khuyến khích mở rộng thị trường ra cả nước và bước đầu tham gia vào thị trường vốn quốc tế như niêm yết ở thị trường chứng khoán nước ngoài, phát hành trái phiếu ra thị trường thế giới, mở chi nhánh ngân hàng ra các nước lân cận như Campuchia, Lào, v.v...

1.2. Thương mại: Tập trung các loại dịch vụ phục vụ xuất khẩu. Thành phố tiếp tục là đầu mối về xuất - nhập khẩu hàng hóa lớn. Là nơi đặt trụ sở giao dịch của các công ty lớn trong nước và quốc tế. Thiết lập kênh phân phối bán buôn và bán lẻ hàng hóa hiện đại. Ưu tiên đầu tư phát triển thương mại điện tử trên địa bàn. Xây dựng các trung tâm hội chợ, triển lãm tầm cỡ khu vực. Xây dựng Trung tâm thương mại quốc tế và thành lập Sở Giao dịch hàng hóa. Phát triển thành phố thành một trung tâm mua sắm của cả nước và khu vực.

1.3. Dịch vụ vận tải, kho bãi, hệ thống cảng: Xây dựng hệ thống kho, bãi hiện đại, đáp ứng nhu cầu là trung tâm về vận tải đường bộ, đường thủy, đường sông. Làm đầu mối chính trung chuyển hàng hóa cho Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Nam Bộ. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cảng mới, đường bộ, đường sắt; di dời hệ thống cảng biển ra khỏi nội thành. Ưu tiên kêu gọi đầu tư để xây dựng cảng biển Hiệp Phước thay thế cụm cảng Sài Gòn hiện hữu, gắn với phát triển các loại dịch vụ hậu cần hàng hải và xây dựng đô thị cảng ở phía Nam thành phố. Khai thác tối đa Sân bay Tân Sơn Nhất và chuẩn bị nối kết hạ tầng với Sân bay quốc tế Long Thành trong thời gian tới.

1.4. Dịch vụ bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin - truyền thông: Mở rộng phát triển dịch vụ gia công, xử lý, quản lý dữ liệu từ xa, gắn với dịch vụ viễn thông - tin học - truyền thông; phát triển dịch vụ đa chức năng, khai thác các dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng lưới viễn thông.

1.5. Kinh doanh tài sản - bất động sản: Phát triển mạnh dịch vụ cho thuê nhà ở, cao ốc văn phòng cho thuê, dịch vụ giao dịch nhà, đất. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng các khu đô thị mới; thực hiện các chính sách đất đai, xây dựng để tăng khối lượng cung về nhà ở và các giải pháp về tài chính để kích thích khối cầu.

1.6. Dịch vụ tư vấn, khoa học - công nghệ, nghiên cứu và triển khai: Hỗ trợ phát triển các dịch vụ khoa học, công nghệ và tư vấn để tạo bước phát triển đột phá trong giai đoạn cạnh tranh và hội nhập quốc tế trên một số lĩnh vực như chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, năng suất và chất lượng sản phẩm, kiểm toán, chiến lược kinh

doanh, luật pháp,... Hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng vào sản xuất. Chú trọng phát triển lĩnh vực thiết kế, tạo mẫu và lĩnh vực quảng cáo; phát triển thị trường công nghệ.

1.7. Du lịch (tập trung du lịch quốc tế): Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu du lịch của thành phố; liên kết với các tỉnh, thành phố xây dựng và phát triển các khu du lịch đạt tiêu chuẩn quốc tế. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng và hệ thống khách sạn của thành phố, xây dựng sản phẩm du lịch có lợi thế cạnh tranh, tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến vào các thị trường trọng điểm, gắn với mở rộng hợp tác liên kết và kêu gọi đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực.

1.8. Y tế: Tập trung nâng cao chất lượng của dịch vụ y tế, xây dựng một số trung tâm y tế chất lượng cao. Xây dựng một số trung tâm y tế - sinh thái, kết hợp khám chữa bệnh và nghỉ dưỡng đạt chuẩn quốc tế và chi phí rẻ hơn các nước tiên tiến trong khu vực. Tiếp tục xã hội hóa lĩnh vực y tế; nghiên cứu áp dụng mô hình bệnh viện cổ phần.

1.9. Giáo dục và đào tạo: Tăng cường đào tạo ở hai lĩnh vực kỹ thuật và quản lý; tập trung đào tạo nghề, các ngành khoa học - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiếp tục xã hội hóa lĩnh vực giáo dục - đào tạo. Khuyến khích các trường, cơ sở giáo dục quốc tế thành lập chi nhánh tại thành phố. Phối hợp với các bộ - ngành Trung ương xây dựng và ban hành cơ chế quản lý, sử dụng tiềm lực giáo dục và đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, viện, trung tâm nghiên cứu trên địa bàn thành phố.

2. Các ngành công nghiệp:

Ưu tiên chuyển dịch cơ cấu kinh tế 4 ngành công nghiệp sau:

2.1. Công nghiệp cơ khí: Ưu tiên các ngành sản xuất và nội địa hóa lắp ráp ô tô. Sản xuất các phương tiện vận tải như ô tô từ 4 đến 60 chỗ, ô tô tải nhẹ, ô tô chuyên dùng, tàu thủy; các sản phẩm máy công cụ như máy cắt gọt kim loại, máy rèn dập, máy gia công các loại, máy công cụ chuyên dùng để tái trang bị cho ngành cơ khí, theo hướng điện tử hóa, tự động hóa; các sản phẩm cơ khí chính xác như đồng hồ đo các loại, thiết bị dụng cụ y tế, kính mắt, cân bàn; dụng cụ, thiết bị gia dụng như quạt điện, xe đạp, xe máy, bếp gas, tủ lạnh, điều hòa không khí, máy giặt, bếp điện, máy nước nóng, dụng cụ trong hệ thống cấp nước gia đình, đồ dùng nhà bếp. Sản xuất các loại kết cấu kim loại và thiết bị phi tiêu chuẩn như cấu kiện thép cho xây dựng, tấm lợp kim loại, các loại bồn thùng, bể chứa bằng kim loại, các loại dụng cụ phục vụ xây dựng; các máy móc phục vụ công nghiệp chế biến, máy móc phục vụ nông nghiệp. Phần đầu đến năm 2010, công nghiệp cơ khí chiếm tỷ trọng 20% giá trị sản xuất công nghiệp thành phố.

2.2. Điện tử - công nghệ thông tin: Ưu tiên sản xuất linh kiện, phụ tùng, các sản phẩm điện tử gia dụng và công nghiệp, điện tử viễn thông, máy tính, các phần mềm xuất khẩu, các dịch vụ điện tử - tin học, dịch vụ trực tuyến và đa truyền thông, nghiên cứu và phát triển (R&D) và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Phấn đấu đến năm 2010, ngành điện tử - viễn thông chiếm tỉ trọng 7% giá trị sản xuất công nghiệp thành phố.

2.3. Hóa chất: Ưu tiên sản xuất các sản phẩm phục vụ tiêu dùng (hóa dược, thảo dược và thuốc y tế, các sản phẩm hóa chất kỹ thuật cao); các sản phẩm nhựa, cao su (săm, lốp ô tô, xe máy, xe đạp và các sản phẩm cao su kỹ thuật cao, bao bì các loại, vật liệu xây dựng, sản phẩm gia dụng và nhựa kỹ thuật); sản phẩm phục vụ công nghiệp (pin, ắc quy như chì hoàn nguyên, bột kẽm, dioxyt mangan điện giải và sản xuất các loại pin và ắc quy cao cấp); sản phẩm trung gian từ hóa dầu; sản phẩm phục vụ nông nghiệp (phân bón vi sinh và thuốc trừ sâu vi sinh chất lượng cao). Phấn đấu đến năm 2010, ngành hóa chất chiếm tỉ trọng 11% giá trị sản xuất công nghiệp thành phố.

2.4. Ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống: Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp rượu bia nước giải khát, các ngành công nghiệp chế biến sữa, công nghiệp chế biến thịt, chế biến dầu thực vật, chế biến bánh kẹo, công nghiệp chế biến thủy - hải sản, chế biến thức ăn nhanh, xay xát. Phấn đấu đến năm 2010, ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống chiếm tỉ trọng 17,4% giá trị sản xuất công nghiệp thành phố.

Cùng với bốn ngành công nghiệp ưu tiên trên (đến năm 2010 chiếm khoảng 55% giá trị sản xuất công nghiệp thành phố), chú trọng hỗ trợ một số ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn như sau:

+ Ngành công nghiệp dệt may - da giày: Tập trung vào khâu thiết kế - tạo mẫu, xây dựng thương hiệu. Giảm tỉ lệ sản xuất gia công, tăng cường đầu tư chiều sâu để sản xuất các sản phẩm có hàm lượng sáng tạo và giá trị tăng cao.

+ Ngành sản xuất đồ gỗ, thủ công - mỹ nghệ: Tập trung phát triển các sản phẩm gỗ xuất khẩu chế biến từ gỗ nhân tạo và rừng trồng, chế biến các sản phẩm gỗ tinh chế có giá trị cao và đồ thủ công mỹ nghệ.

3. Phát triển nông nghiệp:

+ Tập trung chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất tập trung, xây dựng các vùng sản xuất giống cây, xây dựng các vùng sản xuất giống con, thủy sản có năng suất, chất lượng cao.

+ Chuyển dịch cơ cấu các sản phẩm nông nghiệp cần tập trung theo hướng chuyển từ sản xuất ra sản phẩm sang sản xuất ra giống cây, giống con để hình thành trung tâm tạo giống; khuyến khích trồng rau an toàn, phục vụ nhu cầu tiêu thụ trong nước; phát triển mạnh sản xuất cây cảnh - cá kiểng, cá sấu, ba ba và các loại khác phục vụ nhu cầu xuất khẩu.

+ Gắn chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới; phát triển các mô hình tổ chức sản xuất có hiệu quả (kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình, kinh tế hợp tác); tăng năng suất lao động và thu nhập lao động nông nghiệp và nông thôn ngoại thành; nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân trên mỗi đơn vị diện tích theo hướng chuyển dịch cơ cấu đất lúa sang các loại cây trồng, vật nuôi có năng suất cao hơn.

+ Phân đầu đến năm 2010, giá trị sản xuất trồng trọt chiếm 23,5%; chăn nuôi 36%; lâm nghiệp 1%; thủy sản 29,5%; các hoạt động dịch vụ nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 10% (dịch vụ nông - lâm nghiệp 6%; thủy sản 4%) trong giá trị sản xuất nông nghiệp thành phố.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VÀ DỰ ÁN HỖ TRỢ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

1. Giải pháp chủ yếu:

1.1. Điều chỉnh quy hoạch không gian đô thị, tái bố trí dân cư và các cơ sở sản xuất phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Xây dựng các công trình hạ tầng gắn với mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng các khu đô thị mới và đô thị vệ tinh. Thực hiện tốt kết nối giao thông và cơ sở hạ tầng đô thị nhằm thu hút dân cư, giảm áp lực dân số khu vực nội thành.

1.2. Xây dựng và ban hành cơ chế sử dụng công cụ tài chính làm đòn bẩy để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn thành phố.

1.3. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, công nhân lành nghề, tăng cường năng lực quản trị doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Xây dựng cơ chế và hỗ trợ việc liên kết giữa đào tạo - nghiên cứu - sản xuất kinh doanh, ứng dụng những thành tựu nghiên cứu trong khoa học - công nghệ vào sản xuất.

1.4. Tăng cường cải thiện môi trường đầu tư, nhất là liên quan đến các thủ tục hành chính. Thành phố tiếp tục khắc phục các vướng mắc, cản trở trong môi trường đầu tư. Tiếp tục củng cố cơ chế “một cửa, một dấu”, gắn với chương trình cải cách hành chính

của thành phố. Nâng cao hơn nữa trách nhiệm của chính quyền các cấp để phục vụ tốt hơn nhu cầu của doanh nghiệp, nhân dân nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là đầu tư vào các ngành kỹ thuật hiện đại và dịch vụ cao cấp.

1.5. Xây dựng Trung tâm thông tin Kinh tế của thành phố để cung cấp thông tin kinh tế cần thiết cho các doanh nghiệp; giúp doanh nghiệp định hướng thị trường, xây dựng sản phẩm và chuẩn bị đầu tư. Thực hiện tốt công tác dự báo kinh tế nhằm hỗ trợ cho hoạt động các doanh nghiệp. Tăng cường phát huy vai trò của các hiệp hội ngành nghề, hỗ trợ doanh nghiệp liên kết, nâng cao sức cạnh tranh trong hội nhập kinh tế thế giới.

1.6. Phân bổ hợp lý các nguồn lực Nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư để thu hút các nguồn lực đầu tư từ xã hội trên các lĩnh vực mà ngân sách Nhà nước không đáp ứng đủ. Tiếp tục củng cố, sắp xếp các Tổng Công ty Nhà nước thuộc địa phương quản lý, hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Sắp xếp lại các Công ty Nhà nước có hoạt động công ích phù hợp với Luật Doanh nghiệp Nhà nước; thực hiện phương thức Nhà nước mua (theo hình thức đấu thầu đối với loại dịch vụ mà ngân sách Nhà nước chi trả); đấu thầu, cung cấp (đối với loại dịch vụ mà người thụ hưởng phải chi trả) dịch vụ công ích từ các thành phần kinh tế thay cho mô hình Công ty Nhà nước công ích nhằm xã hội hóa dịch vụ công ích.

1.7. Phối hợp các bộ - ngành Trung ương và các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để thống nhất về quy hoạch phát triển các ngành kinh tế, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế toàn Vùng.

2. Các đề án, dự án cụ thể:

Đồng thời với việc thực hiện các giải pháp, biện pháp thường xuyên của từng ngành, sẽ tập trung triển khai các chương trình, dự án trọng tâm sau đây:

2.1. Các ngành dịch vụ:

(1) Tài chính:

+ Đề án xây dựng “Trung tâm tài chính thành phố Hồ Chí Minh”.

+ Đề án về “Tổng Công ty đầu tư tài chính thành phố Hồ Chí Minh” trên cơ sở Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị thành phố Hồ Chí Minh.

(2) Thương mại:

+ Xây dựng và triển khai chương trình chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu thời kỳ 2006 - 2010; đề án xây dựng kênh phân phối bán buôn, bán lẻ; đề án phát triển hệ thống thương mại điện tử.

+ Chuẩn bị và kêu gọi đầu tư dự án Trung tâm thương mại quốc tế ở bán đảo Thủ Thiêm.

+ Xây dựng đề án thành lập Trung tâm (Sở) giao dịch hàng hóa.

(3) Dịch vụ vận tải và kho bãi:

+ Dự án “Khu đô thị cảng Hiệp Phước”.

+ Chương trình di dời hệ thống cảng ra khỏi nội thành.

(4) Dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin:

+ Hoàn thiện khu phần mềm Quang Trung.

+ Khuyến khích các thành phần kinh tế xây dựng mới một số e-towns.

+ Chương trình phát triển các dịch vụ kinh doanh trực tuyến.

(5) Dịch vụ bất động sản:

+ Khu Đô thị mới Thủ Thiêm.

+ Khu Đô thị Nam thành phố.

+ Các biện pháp, giải pháp thúc đẩy tiến độ xây dựng các khu dân cư mới đã giao đất từ năm 2005 về trước.

(6) Dịch vụ tư vấn, khoa học, công nghệ, nghiên cứu và triển khai:

+ Chương trình vườn ươm doanh nghiệp công nghệ.

+ Dự án nâng cấp Trung tâm thông tin khoa học - công nghệ thành phố Hồ Chí Minh thành Trung tâm thông tin khoa học - công nghệ của khu vực phía Nam.

+ Dự án xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm của thành phố.

+ Thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm để thúc đẩy ứng dụng các sáng tạo kỹ thuật.

+ Dự án xây dựng Trung tâm thông tin kinh tế thành phố.

(7) Du lịch:

+ Xây dựng chương trình quảng bá du lịch thành phố trong và ngoài nước.

+ Chương trình liên kết phát triển du lịch với các tỉnh, thành.

(8) Ngành y tế:

+ Xây dựng 05 khu điều trị kỹ thuật cao bao gồm: 1 khu trung tâm là các bệnh viện thành phố hiện nay và 04 khu cửa ngõ vào trung tâm thành phố : (1) Bình Chánh, Bình Tân, quận 8; (2) Thủ Đức, quận 9, quận 2; (3) Củ Chi, Hóc Môn, quận 12; (4) Cần Giờ, Nhà Bè, quận 7.

+ Xây dựng Viện Trường ở Củ Chi tại xã Phước Hiệp (qui mô 100 ha, vốn đầu tư khoảng 85 triệu Euro) phục vụ lâu dài cho đào tạo cán bộ y tế cho ngành y tế của thành phố.

+ Thành lập Công ty mẹ - Công ty con ngành Dược, phát huy sức mạnh tổng hợp của ngành Dược thành phố.

+ Xây dựng khu xét nghiệm kỹ thuật cao cho hệ dự phòng và phục vụ các công tác khác ở khu Nam thành phố.

+ Xây dựng Trung tâm y học cổ truyền thành phố, hòa nhập các quốc gia khu vực và quốc tế.

(9) Giáo dục - đào tạo:

+ Quy hoạch “Khu đại học quốc tế” là nơi thu hút các đại học hàng đầu thế giới đến đặt chi nhánh, trụ sở.

+ Chương trình đào tạo lao động kỹ thuật.

2.2. Các ngành công nghiệp:

+ Đề án phát triển ngành công nghiệp hóa chất.

+ Đề án phát triển sản xuất ngành công nghiệp cơ khí chế tạo.

+ Đề án phát triển ngành công nghệ thông tin.

+ Đề án phát triển ngành điện.

+ Dự án xây dựng cụm công nghiệp cơ khí ô tô Củ Chi.

2.3. Nông nghiệp:

+ Chương trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

+ Chương trình phát triển giống, cây trồng, vật nuôi chất lượng cao.

+ Dự án Khu nông nghiệp công nghệ cao.

+ Dự án Trung tâm công nghệ sinh học.

+ Dự án Trung tâm thủy sản thành phố.

+ Dự án Trung tâm giao dịch, triển lãm hoa, cây kiểng, rau an toàn ở Củ Chi.

3. Tổ chức thực hiện:

3.1. Viện Kinh tế cụ thể hóa các giải pháp và biện pháp chung tại mục 1, phần III.

3.2. Giao cho các sở - ngành có liên quan chịu trách nhiệm triển khai các chương trình cụ thể theo từng sản phẩm hàng hóa và dịch vụ tại mục 2, phần III và cụ thể hóa các giải pháp chung liên quan đến các chương trình, đề án cụ thể, quy định tại mục 1, phần III; thời gian hoàn thành và đưa vào áp dụng trong năm 2006.

3.3. Đối với các chương trình và dự án cụ thể, giao cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có năng lực triển khai theo hình thức tuyển chọn doanh nghiệp.

3.4. Các sở - ngành liên quan có trách nhiệm khẩn trương dự trù kinh phí để thực hiện các chương trình cụ thể.

3.5. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm làm đầu mối điều phối hoạt động chung của cả Chương trình, theo dõi tiến độ, phát hiện khó khăn, vướng mắc để giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết. Giao Viện Kinh tế hàng năm sơ kết kết quả thực hiện Chương trình, đề xuất các nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu cần)./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 116/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động
thực hiện Công trình xây dựng Khu Công nghệ cao
(giai đoạn 2006 - 2010)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố khóa VIII;

Căn cứ Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa VIII, kỳ họp lần thứ 3 ngày 10 và 11 tháng 4 năm 2006 và Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Thành ủy về thực hiện Công trình xây dựng Khu Công nghệ cao (giai đoạn 2006 - 2010),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Công trình xây dựng Khu Công nghệ cao (giai đoạn 2006 - 2010).

Điều 2. Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi và chỉ đạo tổ chức thực hiện Công trình này. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao là cơ quan thường trực phụ trách Công trình.

Điều 3. Cơ quan thường trực phụ trách Công trình có trách nhiệm cụ thể hóa thành kế hoạch tổ chức thực hiện hàng năm và chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện. Thủ trưởng các sở - ngành thành phố có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 9 căn cứ Kế hoạch này xây dựng kế hoạch cụ thể 5 năm 2006 - 2010 và hàng năm, nhằm thực hiện đạt hiệu quả cao nhất các nội dung trọng tâm và những giải pháp chủ yếu của Công trình.

Điều 4. Giao cơ quan thường trực tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng quý về kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc cần giải quyết cho Ủy ban nhân dân thành phố; sơ kết hàng năm kết quả thực hiện; đề xuất điều chỉnh, bổ sung những nội dung, chỉ tiêu, giải pháp cụ thể cho Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh đột xuất, cơ quan thường trực báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp chỉ đạo giải quyết.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp thuộc thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kế hoạch triển khai Chương trình hành động
thực hiện Công trình xây dựng Khu Công nghệ cao
(giai đoạn 2006 - 2010)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 116/2006/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. MỤC TIÊU

Xây dựng Khu Công nghệ cao thành phố thành trung tâm đầu tư trực tiếp nước ngoài về công nghệ cao, nhận chuyển giao sản phẩm và công đoạn của hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) nước ngoài, nhằm xây dựng lực lượng sản xuất tiên tiến, để từng bước nâng cao năng lực nội sinh về công nghệ cao của thành phố. Phấn đấu đến năm 2010, thu hút 10 Công ty đầu tư trực tiếp nước ngoài có uy tín về khoa học - công nghệ trong 5 lĩnh vực ưu tiên (bán dẫn, công nghệ thông tin - viễn thông, vật liệu mới - công nghệ nano, cơ khí chính xác, sinh học và công nghệ tạo năng lượng mới - sạch); thu hút 50 tiến sĩ, thạc sĩ khoa học, giỏi chuyên môn cho 5 phòng thí nghiệm trọng điểm; ươm tạo thành công một số công nghệ cao có hiệu quả để phục vụ sản xuất, thương mại; giá trị sản xuất 5 năm đạt 4,5 tỷ USD, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 3,5 tỷ USD, nhằm góp phần đẩy nhanh tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của thành phố.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2006 - 2010

1. Giai đoạn 3 năm 2006 - 2008:

1.1. Hoàn thành qui hoạch không gian kiến trúc tổng thể và các phân khu chức năng; hoàn chỉnh chức năng, mô hình hoạt động, nội dung đầu tư của phân khu; xây dựng mối liên kết giữa các phân khu chức năng; kết hợp các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất, nghiên cứu và các dịch vụ sinh hoạt trong Khu Công nghệ cao. Xây dựng và đưa phân khu sản xuất công nghệ cao vào hoạt động. Thực hiện thu hút đầu tư có chọn lọc, chú trọng các công ty, tập đoàn lớn về công nghệ cao và sở hữu công nghệ nguồn. Nghiên cứu triển khai hoạt động ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; thông qua và triển khai thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học, các phòng thí nghiệm thuộc Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); xây dựng cơ sở vật chất và chương trình ươm tạo cho Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ cao.

1.2. Nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển, cơ chế, chính sách đặc thù cho Khu Công nghệ cao; chiến lược phát triển Khu Công nghệ cao đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020; chiến lược thu hút đầu tư, nghiên cứu triển khai, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao.

1.3. Ban hành cơ chế, chính sách về thu hút đầu tư, phát triển các ngành sản xuất công nghệ cao, nhất là các dự án khoa học - công nghệ tiên tiến, các trung tâm và phát triển (R&D) của các tập đoàn, công ty trong và ngoài nước, các dự án liên kết đào tạo với các đại học chuyên ngành trên thế giới. Triển khai hoạt động ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đẩy mạnh thu hút đầu tư để nhanh chóng đưa phân khu sản xuất công nghệ cao vào hoạt động. Định hình hoạt động của Khu bảo thuế nhằm đẩy mạnh hoạt động thương mại công nghệ cao giữa Khu Công nghệ cao với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

1.4. Có chiến lược tăng cường năng lực nội sinh về khoa học - công nghệ; định hình và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, triển khai các chương trình, đề án phát triển khoa học - công nghệ; ứng dụng kết quả nghiên cứu của Khu Công nghệ cao và các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) nước ngoài; thành lập Quỹ Đầu tư mạo hiểm để đáp ứng yêu cầu hoạt động nghiên cứu, triển khai, ươm tạo và gia công dịch vụ công nghệ cao.

1.5. Nghiên cứu, xây dựng mô hình, cơ chế về tổ chức bộ máy, cán bộ để nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển Khu Công nghệ cao. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, kiến thức rộng, có đạo đức và tâm huyết vì lợi ích các bên tham gia Khu Công nghệ cao.

1.6. Về chiến lược đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao: Xây dựng chiến lược, thực hiện chương trình và giải pháp đào tạo nguồn nhân lực cho Khu Công nghệ cao; thực hiện tốt chương trình liên kết trong đào tạo với các viện, trường trong và ngoài nước. Xây dựng chính sách thu hút lực lượng trí thức trong nước và các nhà khoa học, chuyên gia giỏi là người Việt Nam ở nước ngoài về làm việc tại Khu Công nghệ cao.

2. Giai đoạn 2 năm 2009 - 2010:

2.1. Đẩy mạnh thu hút đầu tư trong và ngoài nước về công nghệ cao; thúc đẩy chương trình lan tỏa đầu tư giữa Khu Công nghệ cao và các Khu chế xuất, Khu công nghiệp; phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ.

2.2. Nâng cao hiệu quả chương trình ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; phối hợp với viện, trường nâng cao chương trình “đào tạo - nghiên cứu - ứng dụng, sản xuất thử - đưa ra thị trường - tái nghiên cứu”.

2.3. Định hình hạ tầng kỹ thuật giai đoạn II; các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp công nghệ cao, nghiên cứu triển khai, ươm tạo và đào tạo.

2.4. Định hình hoạt động của Khu bảo thuế - đẩy mạnh hoạt động thương mại công nghệ cao giữa Khu Công nghệ cao với quốc tế và nội địa.

3. Một số chỉ tiêu chủ yếu và các dự án đầu tư xây dựng 2006 - 2010:

3.1. Một số chỉ tiêu:

(1) Thu hút các tập đoàn, công ty đầu tư trực tiếp của nước ngoài có uy tín về khoa học - công nghệ - trong 5 lĩnh vực ưu tiên (bán dẫn, công nghệ thông tin - viễn thông, vật liệu mới - công nghệ nano, cơ khí chính xác, sinh học và công nghệ tạo năng lượng mới - sạch).

(2) Tập hợp lực lượng các nhà khoa học, chuyên môn giỏi: Huy động khoảng 50 Tiến sĩ, Thạc sĩ cho 5 phòng thí nghiệm trọng điểm (không tính những người làm việc trong các doanh nghiệp).

(3) Ươm tạo thành công một số công nghệ cao có hiệu quả, đưa vào sản xuất và thương mại (ví dụ Pin nhiên liệu), tạo sản phẩm công nghệ cao từ năng lực nội sinh (có thể liên kết với bên ngoài); xây dựng thương hiệu Made in SHTP.

(4) Phần đầu đạt giá trị sản xuất của 5 năm: 4,5 tỷ USD, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 3,5 tỷ USD.

3.2. Các dự án đầu tư chủ yếu:

(1) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật:

+ 05 loại hạ tầng kỹ thuật thiết yếu: Đường giao thông, cung cấp điện, cấp - thoát nước, xử lý nước thải, viễn thông - Internet.

+ Các dự án quan trọng : San lấp, nắn dòng Suối Cái, công viên - mảng xanh.

+ Nhà xưởng tiêu chuẩn cho thuê.

(2) Đầu tư xây dựng Trung tâm điều hành quản lý Khu Công nghệ cao, công, hàng rào.

(3) Đầu tư xây dựng Vườn ươm công nghệ cao và Doanh nghiệp công nghệ cao, Quỹ Đầu tư mạo hiểm.

(4) Đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu triển khai - với hạt nhân là: Phòng thí nghiệm nano, bán dẫn, công nghệ thông tin - viễn thông, cơ khí chính xác và sinh học.

(5) Đầu tư xây dựng Trung tâm đào tạo.

(6) Đầu tư xây dựng các hạng mục phục vụ các đối tượng hoạt động trong Khu Công nghệ cao: Khu nhà chuyên gia, ký túc xá công nhân, khu thương mại, khu giải trí.

(7) Đầu tư xây dựng tòa nhà Internet City: Tiếp nhận các công ty phần mềm và dịch vụ khác.

(8) Đầu tư xây dựng kho ngoại quan và Khu bảo thuế (theo tiến độ giai đoạn II).

III. CÁC CHƯƠNG TRÌNH CỤ THỂ GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

1. Chương trình củng cố tổ chức chỉ đạo, điều hành:

1.1. Mục tiêu: Nghiên cứu, tham mưu đề xuất mô hình, cơ chế, biện pháp, giải pháp cụ thể nhằm củng cố, tăng cường lực lượng cán bộ nòng cốt và phát huy việc chỉ đạo, điều hành nhằm đến đạt hiệu quả cao nhất trong thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển Khu Công nghệ cao

1.2. Nội dung:

+ Đánh giá thực tế, so sánh kinh nghiệm phát triển Khu Công nghệ cao trên thế giới, đối chiếu tầm nhìn, mục tiêu, chiến lược phát triển Khu Công nghệ cao thành phố, nêu được bài học kinh nghiệm có giá trị ứng dụng.

+ Kiểm điểm tình hình tổ chức chỉ đạo, điều hành phát triển Khu Công nghệ cao trong giai đoạn vừa qua; phân tích rõ nguyên nhân của kết quả đạt được và những hạn chế, tồn tại từ góc độ tổ chức, chỉ đạo.

+ Đề xuất những giải pháp, biện pháp và các bước đi cụ thể tiếp theo để củng cố tổ chức nhân sự và tiếp tục phát huy việc tổ chức chỉ đạo nhằm tăng tốc phát triển Khu Công nghệ cao đúng mục tiêu và tầm cỡ một dự án trọng điểm.

+ Nghiên cứu và tham mưu một số cơ chế đặc thù liên quan đến nguồn và phương thức huy động vốn đầu tư phát triển hạ tầng Khu Công nghệ cao; về phân cấp quản lý đồng bộ cho Ban Quản lý Khu Công nghệ cao để tạo thuận lợi nhất cho hoạt động và phát triển.

+ Đề xuất về mục tiêu và Chương trình hoạt động chung của Ban Chỉ đạo phát triển Khu Công nghệ cao trong 5 năm và cụ thể hàng năm.

1.3. Đơn vị chủ trì: Ban nghiên cứu chiến lược phát triển Khu Công nghệ cao (Ban Chỉ đạo xây dựng Khu Công nghệ cao), Hội đồng Khoa học Khu Công nghệ cao. Đơn vị phối hợp : Sở Nội vụ, Viện Kinh tế, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chương trình đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao:

2.1. Mục tiêu:

Góp phần bổ sung nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời hơn nhu cầu nhân lực trong sản xuất, dịch vụ, nghiên cứu; chú trọng 07 ngành đã sơ bộ xác định và kỹ năng thực hành.

2.2. Nội dung:

+ Có khảo sát đầy đủ và toàn diện về hiện trạng nguồn nhân lực trẻ của thành phố để có thể đưa ra dự báo nhu cầu và hoạch định chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo bổ sung thực sự đem lại kết quả (năm 2006).

+ Thành phố đầu tư các dự án đào tạo đón đầu để chuẩn bị sẵn sàng nguồn nhân lực cho một số ngành mũi nhọn (thiết kế vi mạch, công nghệ sinh học, quản lý và phục vụ hoạt động gia công dịch vụ, .v.v...) để tăng lợi thế cạnh tranh, kích thích hướng đầu tư nước ngoài vào các hoạt động này.

+ Tạo môi trường thuận lợi cho giới trẻ tiếp cận tri thức, công nghệ hiện đại,... bằng sự phối hợp nhiều ngành qua chương trình chung về thông tin (các sinh hoạt định kỳ tương tự “tuần lễ Khu Công nghệ cao”, xóa mù tin học, mỗi thanh niên một “account” internet,...).

+ Tiếp tục thu hút đầu tư nước ngoài - chú trọng các đơn vị đào tạo có uy tín quốc tế - đầu tư vào hoạt động đào tạo, mở các môn, ngành mới, công nghệ cao, liên kết với Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và viện - trường trong và ngoài nước mở khoa công nghệ cao chú trọng sự gắn kết với doanh nghiệp thông qua các chương trình nghiên cứu, thực tập, đào tạo tại chỗ, đào tạo theo đơn đặt hàng.

2.3. Đơn vị chủ trì: Trung tâm đào tạo thuộc Khu Công nghệ cao, Hội đồng Khoa học Khu Công nghệ cao. Đơn vị phối hợp: Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh; Sở Bưu chính, Viễn thông; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Chương trình đẩy mạnh vận động thu hút đầu tư vào Khu Công nghệ cao:

3.1. Mục tiêu:

Thu hút các dự án sản xuất công nghiệp công nghệ cao, ưu tiên các dự án có uy tín về khoa học - công nghệ, nghiên cứu triển khai - lấp đầy toàn bộ diện tích của phân khu sản xuất công nghiệp công nghệ cao.

Thu hút một số cơ sở nghiên cứu và phát triển (R&D) của các tập đoàn, công ty lớn trong và ngoài nước vào hoạt động trong Khu Công nghệ cao; một số dự án liên kết đào tạo từ các đại học có uy tín trên thế giới.

3.2. Nội dung:

+ Chuẩn bị sẵn sàng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nhà đầu tư.

+ Nghiên cứu kỹ về đối tượng cần thu hút (công ty công nghệ cao trong các lĩnh vực công nghệ cao ưu tiên và yêu cầu của công ty khi đầu tư vào Khu Công nghệ cao) chọn lọc và có tiêu chí rõ về diện tích dự án liên quan đến suất đầu tư.

+ Xây dựng chính sách khuyến khích rõ ràng đối với doanh nghiệp do người Việt ở nước ngoài mang công nghệ mới về triển khai trong nước.

+ Nghiên cứu đề xuất chính sách thiết thực nhằm thu hút đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D); liên kết đào tạo, hướng đến mục tiêu phát triển năng lực công nghệ nội sinh thông qua tiếp cận công nghệ hiện đại.

+ Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư ở nước ngoài, hàng năm tổ chức đoàn đi nước ngoài riêng cho thu hút công nghệ cao, kết hợp với chương trình hoạt động thường xuyên của các Văn phòng đại diện của thành phố tại Singapore, EU, Hoa Kỳ, Nhật bản. Liên tục cập nhật, hoàn thiện trang WEB về xúc tiến đầu tư vào Khu Công nghệ cao, tổ chức diễn đàn, hội thảo, triển lãm giới thiệu.

3.3. Đơn vị chủ trì: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao. Đơn vị phối hợp: Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư (ITPC), Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

4. Chương trình triển khai các hoạt động chiến lược hướng đến mục tiêu tăng cường năng lực nội sinh về khoa học - công nghệ:

4.1. Mục tiêu:

(1) Định hình và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, xác lập cơ chế đầu tư nghiên cứu, ươm tạo, triển khai và phát triển về khoa học - công nghệ trong Khu Công nghệ cao; triển khai những kết quả nghiên cứu trong Khu Công nghệ cao và từ các Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) nước ngoài; tập hợp, xây dựng lực lượng sản xuất hiện đại hoạt động tại Khu Công nghệ cao.

(2) Xây dựng Quỹ Đầu tư mạo hiểm.

4.2- Nội dung:

+ Triển khai cơ chế Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) - Vườn ươm công nghệ cao - Doanh nghiệp công nghệ cao, thực hiện chu trình nghiên cứu - triển khai - nghiên cứu hướng đến nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường.

+ Xây dựng chương trình liên kết nghiên cứu khoa học về công nghệ cao với Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và các viện, trường trong và ngoài nước thông qua các chương trình nghiên cứu khoa học có sẵn của thành phố và Trung ương, tiến đến xây dựng mới các chương trình nghiên cứu công nghệ cao chuyên biệt.

+ Xây dựng và đưa Vườn ươm vào hoạt động làm cơ sở ươm tạo công nghệ và các kết quả đã được nghiên cứu, bao gồm cả chương trình ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, chương trình tiếp nhận sản phẩm và công đoạn nghiên cứu các Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) nước ngoài.

+ Thực hiện chương trình đặt hàng nghiên cứu từ thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, từ các doanh nghiệp trong và ngoài Khu Công nghệ cao, từ các Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) công nghệ cao nước ngoài. Trước mắt, triển khai thực hiện dự án “phần mềm nhúng trong phần cứng chuyên dụng”.

+ Nghiên cứu, thành lập và đưa vào hoạt động Quỹ Đầu tư mạo hiểm của Khu Công nghệ cao để phục vụ và khai thác có hiệu quả các hoạt động nghiên cứu triển khai, ươm tạo, gia công dịch vụ công nghệ cao.

+ Kiến nghị Chính phủ về chính sách đặc biệt khuyến khích đầu tư sản xuất, đào tạo hoặc nghiên cứu công nghệ cao của doanh nhân, chuyên gia Việt kiều bằng các hình thức. Xúc tiến mạnh việc kêu gọi đầu tư trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

+ Kiến nghị Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách toàn diện (cho phép thí điểm mang tính đột phá đối với một dự án đặc thù và trọng điểm) cho việc thu hút, tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, đi kèm nghĩa vụ, hiệu quả công việc đối với các nhà khoa học, chuyên gia giỏi làm việc trong Khu Công nghệ cao.

4.4. Đơn vị chủ trì: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Sở Khoa học và Công nghệ. Đơn vị phối hợp: Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nhà nước thành phố, Sở Tài chính, Quỹ Đầu tư phát triển đô thị, Sở Nội vụ.

5. Chương trình nghiên cứu chiến lược phát triển, khung pháp lý (cơ chế, chính sách,...) cho Khu Công nghệ cao:

5.1. Mục tiêu:

+ Phê duyệt chiến lược phát triển Khu Công nghệ cao đến năm 2015, có tính đến tầm nhìn 2020.

+ Phê duyệt chiến lược thu hút đầu tư; nghiên cứu triển khai; chiến lược đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao đến năm 2015; xây dựng lực lượng sản xuất hiện đại cho Khu Công nghệ cao.

5.2. Nội dung:

+ Nghiên cứu chiến lược phát triển Khu Công nghệ cao đến năm 2015, có tính đến tầm nhìn 2020.

+ Nghiên cứu chiến lược phát triển, nghiên cứu triển khai; chiến lược đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao đến năm 2015.

+ Tham gia xây dựng Pháp lệnh Công nghệ cao và Khu Công nghệ cao.

+ Tham gia xây dựng Nghị định hướng dẫn chi tiết thi hành Pháp lệnh Công nghệ cao và Khu Công nghệ cao; trong đó, quan tâm về cơ chế đặc thù, chính sách cho Khu Công nghệ cao.

5.3. Đơn vị chủ trì: Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Hội đồng Khoa học công nghệ cao. Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Viện Kinh tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Bưu chính, Viễn thông, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về cơ chế, chính sách:

1.1. Cơ chế quản lý Nhà nước của Khu (liên quan đến xây dựng Pháp lệnh Công nghệ cao và Khu Công nghệ cao, Nghị định hướng dẫn thi hành) theo hướng quản lý dự án quốc gia - đặt tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài cơ chế điều hành “một cửa, tại chỗ” với thẩm quyền quyết định, phê duyệt hành chính Nhà nước tại Khu Công nghệ cao, cho phép Ban Quản lý Khu Công nghệ cao chủ động điều hành trực tiếp, toàn diện mọi hoạt động trong Khu Công nghệ cao trên cơ sở kế hoạch hàng năm đã được Ủy ban nhân dân thành phố duyệt và thẩm quyền được quyết định tổ chức, biên chế, chế độ lương cho cán bộ.

1.2. Cơ chế quản lý đầu tư xây dựng các dự án thành phần trong Khu Công nghệ cao do ngân sách Nhà nước đầu tư. Xây dựng phương án tối ưu nhằm rút ngắn thời gian chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư (thẩm định, phê duyệt thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, đấu thầu thi công,...). Ban Quản lý Khu Công nghệ cao sẽ trình phương án cho Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

1.3. Cơ chế phối hợp trong tổ chức hoạt động và quản lý của các thành viên, đơn vị trong Khu Công nghệ cao: Công ty phát triển Khu công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), Trung tâm đào tạo, Vườn ươm, Quỹ Đầu tư mạo hiểm, các cơ quan chuyên ngành như Hải quan, Thuế, Công an,...; tránh chồng chéo, tạo môi trường tốt cho hoạt động của các thành viên và phát huy tối đa hiệu quả của từng đơn vị.

1.4. Cơ chế tài chính: Phát hành cổ phiếu, trái phiếu, huy động vốn theo từng dự án (kèm chính sách như đổi đất lấy hạ tầng), cơ chế quản lý khai thác hạng mục hạ tầng kỹ thuật chuyên môn cao (viễn thông - internet, nhà máy điện,...), xây dựng cơ chế cho phép Trưởng Ban được chủ động quyết định sử dụng vốn cho dự án thành phần trên cơ sở kế hoạch vốn hàng năm đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

1.5. Cơ chế huy động nguồn nhân lực: Cho phép Ban quản lý Khu Công nghệ cao được tiếp nhận công chức, quyết định biên chế tổ chức và xếp ngạch, bậc lương công chức theo qui định; được tuyển lao động có trình độ mà không có hộ khẩu ở thành phố; chính sách ưu đãi tiền lương đối với lao động có trình độ từ khu vực ngoài Nhà nước; xây dựng cơ chế và chính sách ưu đãi thu hút lao động là các chuyên gia trong nước, Việt kiều và nước ngoài có trình độ ở các lĩnh vực phù hợp với hoạt động của Khu Công nghệ cao.

2. Về tài chính:

2.1. Vốn ngân sách bố trí cho xây dựng hạ tầng thiết yếu giai đoạn I. Triển khai phương thức "đổi đất lấy hạ tầng" trong đầu tư xây dựng; tiếp tục kiến nghị nguồn vốn cấp từ Trung ương và xác định tỷ lệ vốn Trung ương và địa phương trong cơ cấu vốn ngân sách đối với dự án.

2.2. Huy động vốn ngoài ngân sách Nhà nước để đầu tư xây dựng hạ tầng giai đoạn II bằng nhiều phương thức; thực hiện trước đối với những dự án có khả năng thương mại hóa (dự án nhà máy điện, ...).

2.3. Nghiên cứu khả năng tái tạo vốn mới từ hạ tầng đã xây dựng và đưa vào vận hành; tạo vốn trên đất đã có hạ tầng một cách thích hợp, nhất là các phân khu thương mại - dịch vụ, internet city.

2.4. Thành lập các loại quỹ phát triển Khu Công nghệ cao; trước tiên là Quỹ Đầu tư mạo hiểm với vốn từ ngân sách thành phố tham gia không quá 25%.

2.5. Kiến nghị Chính phủ cho phép để lại các nguồn thu ngân sách trong Khu Công nghệ cao trong thời gian 20 năm và sử dụng, bổ sung vốn xây dựng hạ tầng với cơ chế sử dụng hợp lý.

2.6. Nghiên cứu, đề xuất chính sách, lộ trình cụ thể để huy động vốn ngoài ngân sách; thành lập công ty cổ phần đầu tư xây dựng hạ tầng Khu Công nghệ cao; hoàn thiện công ty phát triển Khu Công nghệ cao theo mô hình Công ty Trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên, đảm bảo triển khai đồng bộ việc hoàn thành các công trình xây dựng giai đoạn I và chuẩn bị đầu tư xây dựng giai đoạn II.

3. Về nguồn nhân lực:

3.1. Bố trí cán bộ, chuyên gia giỏi, có kinh nghiệm về quản lý và điều hành dự án cho Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao. Hoàn thiện tổ chức và bổ sung, ổn định nhân sự cho các phòng chức năng của Khu Công nghệ cao, cho các đơn vị sự nghiệp: Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), Trung tâm đào tạo, Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ cao, Quỹ Đầu tư mạo hiểm, Khu bảo thuế.

3.2. Củng cố bộ máy tổ chức và tăng cường nhân sự cho công ty phát triển Khu Công nghệ cao - đơn vị đảm trách việc tiếp nhận, kinh doanh, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng (trừ những công trình đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật cao), cung cấp dịch vụ phục vụ nhà đầu tư.

3.3- Huy động sự hỗ trợ và phối hợp có hiệu quả nhân sự từ các sở - ngành chuyên môn, viện, trường cho từng dự án, công việc cụ thể (thuộc các lĩnh vực xây dựng, nghiên cứu - triển khai, đào tạo, cung cấp dịch vụ,...).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch triển khai Công trình đầu tư xây dựng và phát triển Khu Công nghệ cao giai đoạn 2006 - 2010; trong đó, giao nhiệm vụ cụ thể cho Thủ trưởng sở - ngành có liên quan (có một đơn vị chủ trì, có các đơn vị phối hợp) chịu trách nhiệm từng chương trình, dự án cụ thể phát triển Khu Công nghệ cao (quý III năm 2006). Các sở - ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận 9 được giao chủ trì xây dựng chương trình chi tiết về mục tiêu, nội dung, giải pháp, kinh phí, nguồn lực để triển khai thực hiện từng chương trình cụ thể.

2. Xây dựng lịch làm việc của Ban Chỉ đạo xây dựng Khu Công nghệ cao hàng năm để định kỳ xem xét tiến độ triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng và phát triển Khu Công nghệ cao giai đoạn 2006 - 2010; thành lập Tổ điều phối trực thuộc Ban Chỉ đạo xây dựng Khu Công nghệ cao gồm: Phó Trưởng ban thường trực Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Phó Giám đốc Sở Tài chính với Nhóm cán bộ chuyên trách, các chuyên viên giúp việc từ các đơn vị nêu trên để kiểm tra, báo cáo tiến độ triển khai thực hiện kế hoạch; theo dõi tiến độ các chương trình nhánh, tổng hợp vướng mắc phát sinh để giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

3. Hàng năm, Ban Chỉ đạo xây dựng Khu Công nghệ cao sơ kết kết quả thực hiện, đề xuất nội dung cần điều chỉnh, bổ sung và báo cáo Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố theo yêu cầu./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải

QUẬN 2

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2006/NQ-HĐND

Quận 2, ngày 14 tháng 7 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

**Về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm
và nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2006**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 2
KHÓA III KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các cơ quan hữu quan về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của quận 6 tháng đầu năm 2006, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân quận; phát biểu của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và ý kiến thảo luận của các đại biểu,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất báo cáo hoạt động, công tác giám sát 6 tháng đầu năm, chương trình hoạt động 6 tháng cuối năm 2006 của Hội đồng nhân dân quận. Thống nhất Tờ trình số 01/TT-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2006 về bổ sung chương trình giám sát 6 tháng cuối năm 2006 của Thường trực Hội đồng nhân dân quận.

2. Ghi nhận nỗ lực của Ủy ban nhân dân quận và các cơ quan hữu quan về thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm 2006, công tác trọng tâm và giải pháp để thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2006. Ghi nhận kết quả hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân quận và Tòa án nhân dân quận 6 tháng đầu năm 2006. Ghi nhận kết quả báo cáo tổng kết năm học 2005 - 2006, công tác chuẩn bị năm học 2006 - 2007 của ngành giáo dục và báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá việc thực hiện cơ chế hành chính “Một cửa, Một dấu” tại quận và phường.

Hội đồng nhân dân quận ghi nhận những kết quả mà chính quyền và nhân dân trong quận phấn đấu thực hiện. Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh đã có những chuyển biến tích cực. Sản xuất tiếp tục tăng trưởng, hoàn thành tốt một số chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

Các công trình xây dựng cơ bản, đặc biệt là một số công trình chuyển tiếp được tập trung giải quyết và tiếp tục tháo gỡ vướng mắc để thực hiện một số công trình mới. Công tác quy hoạch, công bố quy hoạch chi tiết các khu dân cư hiện hữu được chú trọng thực hiện và đạt được kết quả nhất định. Đã công bố quy hoạch chi tiết khu trung tâm đô thị mới Thủ Thiêm đến được một bộ phận dân cư.

Các hoạt động xây dựng khu phố - ấp văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, dạy nghề, thực hiện chính sách xã hội... có tiến bộ và đạt kết quả tốt hơn. An ninh chính trị được giữ vững, quốc phòng được củng cố. Công tác bảo vệ trật tự an toàn xã hội và phòng chống tội phạm đã có nhiều nỗ lực. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện và nâng cao.

Chương trình cải cách hành chính được tích cực thực hiện. Đã triển khai ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 đối với phòng ban quận.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại và khó khăn cần tập trung giải quyết như: tình hình thu ngân sách đạt thấp (27,7% kế hoạch); tiến độ thực hiện một số dự án, nhất là công trình trọng điểm còn chậm so với kế hoạch; các dự án từ nguồn vốn phân cấp cho Ủy ban nhân dân phường thực hiện đạt kết quả không cao; kết quả bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án đạt thấp (15,24%) do vướng mắc về giải quyết chính sách giá bồi thường, hỗ trợ và các khu bố trí tái định cư chưa hoàn thành; tỷ lệ điều tra khám phá án chưa đạt chỉ tiêu đề ra; chương trình giải quyết việc làm cho nhân dân thuộc khu vực giải tỏa còn hạn chế.

Để đạt được kế hoạch kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng cuối năm 2006, Hội đồng nhân dân yêu cầu Ủy ban nhân dân quận cần tập trung chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khắc phục những tồn tại để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tập trung chỉ đạo hoàn thành chỉ tiêu xây dựng cơ bản từ vốn ngân sách (185 tỷ đồng); chú trọng các công trình trọng điểm của quận và thành phố và công trình đăng ký chào mừng kỷ niệm 10 năm thành lập quận. Đối với vốn phân cấp cho phường ưu tiên các công trình chỉnh trang phù hợp với quy hoạch, đáp ứng nhu cầu bức xúc của nhân dân.

2. Tập trung chỉ đạo thu ngân sách để hoàn thành chỉ tiêu được giao.

3. Tập trung thực hiện hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng theo kế hoạch, nhất là dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm. Triển khai có hiệu quả chương trình tái định cư; thúc đẩy các chủ đầu tư tập trung xây dựng các khu tái định cư trên địa bàn.

4. Hoàn thành việc lập, điều chỉnh và công bố quy hoạch chi tiết trong toàn quận, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch trên địa bàn.

5. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính “Một cửa, Một dấu”, triển khai ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 trong hoạt động quản lý hành chính Nhà nước. Tập trung chỉ đạo việc giải quyết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền), quyền sở hữu nhà và công trình. Hoàn thành công tác bán nhà sở hữu Nhà nước theo kế hoạch. Giải quyết tốt và theo thẩm quyền đối với các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân và các kiến nghị của cử tri.

6. Chuẩn bị tốt việc khai giảng năm học mới 2006 - 2007. Thực hiện có hiệu quả công tác xóa đói giảm nghèo theo tiêu chí mới, phấn đấu đạt chỉ tiêu đã đề ra. Khảo sát, lập kế hoạch dạy nghề và tạo việc làm cho người lao động trong diện giải tỏa, di dời.

7. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới; thực hiện có hiệu quả các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và công tác thi hành án. Phấn đấu đạt chỉ tiêu điều tra khám phá án. Chuẩn bị tốt công tác tuyển quân năm 2007.

Ủy ban nhân dân quận cần xây dựng những giải pháp cụ thể để thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ còn lại trong năm 2006.

Hội đồng nhân dân giao cho Thường trực, 2 Ban Hội đồng nhân dân và các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân điều hòa phối hợp hoạt động tăng cường kiểm tra giám sát trong quá trình thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân quận. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên cùng các ngành phối hợp tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực thực hiện góp phần thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2006, thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 10 năm ngày thành lập quận (01/4/1997 - 01/4/2007) và tạo tiền đề vững chắc để phát triển kinh tế - xã hội trong những năm sau.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân quận 2 khóa III, kỳ họp lần thứ 6 thông qua.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Dũng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 2****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2006/NQ-HĐND

Quận 2, ngày 14 tháng 7 năm 2006

**NGHỊ QUYẾT
Về quyết toán ngân sách năm 2005****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 2
KHÓA III KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Điều 25 Chương II Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 01 tháng 4 năm 2005;

Sau khi xem xét báo cáo quyết toán ngân sách năm 2005 của Ủy ban nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán ngân sách năm 2005 với các nội dung sau:

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 257.619 triệu đồng. Trong đó thu ngân sách quận: 153.554 triệu;

- Tổng chi ngân sách trên địa bàn: 139.142 triệu.

Trong đó:

+ Chi ngân sách quận: 120.890 triệu.

+ Chi ngân sách phường: 18.252 triệu.

- Kết dư ngân sách quận năm 2005: 35.550 triệu.

Trong đó:

+ Kết dư ngân sách quận: 32.664 triệu.

+ Kết dư ngân sách phường: 2.886 triệu.

Điều 2. Ủy ban nhân dân quận, Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận, Phòng Tài chính - Kế hoạch có nhiệm vụ thực hiện các chức năng theo luật định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân quận 2 khóa III, kỳ họp lần thứ 6 thông qua.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Dũng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 2****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2006/NQ-HĐND

Quận 2, ngày 14 tháng 7 năm 2006

**NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh ngân sách năm 2006****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 2
KHÓA III KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Điều 25 Chương II Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 01 tháng 4 năm 2005;

Sau khi xem xét báo cáo tình hình thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2006; Tờ trình số 22/TT-UBND và 23/TT-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ghi nhận kết quả thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2006:

+ Phần thu: thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2006: 58.890 triệu đồng đạt 27,69% kế hoạch và bằng 51,09% so với cùng kỳ năm trước.

+ Phần chi: chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2006: 63.545 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi ngân sách quận: 53.845 triệu.

- Chi ngân sách phường: 9.700 triệu.

Điều 2. Nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2006

+ Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 165.000 triệu.

+ Tổng chi ngân sách trên địa bàn: 105.233 triệu.

Trong đó:

- Chi ngân sách quận: 95.533 triệu.
- Chi ngân sách phường: 9.700 triệu.

Điều 3. Chấp thuận Tờ trình số 22/TT-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận về thực hiện một số nội dung ngoài chế độ và Tờ trình số 23/TT-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận về điều chỉnh dự toán, bổ sung ngân sách năm 2006. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân và 2 Ban Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, Phòng Tài chính - Kế hoạch có nhiệm vụ tiếp thu ý kiến đóng góp của đại biểu, cân đối bổ sung ngân sách cho các đơn vị phù hợp và thực hiện các chức năng theo luật định để sử dụng ngân sách có hiệu quả.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân quận 2 khóa III, kỳ họp lần thứ 6 thông qua.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Dũng

QUẬN 3**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 3****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2006/NQ-HĐND

Quận 3, ngày 21 tháng 7 năm 2006

**NGHỊ QUYẾT
Về quyết toán ngân sách năm 2005****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 3
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 3 về việc quyết toán thu chi ngân sách của quận 3 năm 2005;

Căn cứ báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân và ý kiến phát biểu của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận 3,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, tổng thu và tổng chi ngân sách quận 3 năm 2005 như sau:

1.1. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn là 355,551 tỷ đồng đạt 114,81% dự toán năm, trong đó thu để cân đối ngân sách Nhà nước (không tính ghi thu ghi chi qua ngân sách) là 335,577 tỷ đạt 108,36% dự toán năm, số tuyệt đối tăng 25,877 tỷ.

1.2. Tổng thu ngân sách địa phương (quận - phường) là 268,852 tỷ đồng, đạt 127,91% dự toán năm, trong đó thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 119,336 tỷ đạt 125,92% dự toán năm, số tuyệt đối tăng 24,564 tỷ (quận tăng 19,317 tỷ; phường tăng 5,247 tỷ).

1.3. Tổng chi ngân sách địa phương (quận - phường) là 165,298 tỷ đạt 78,64% dự toán năm.

Điều 2. Phê chuẩn cho chuyển kết dư ngân sách địa phương (quận - phường) năm 2005 là 103,555 tỷ vào thu ngân sách địa phương năm 2006 (quận: 94,226 tỷ, phường: 9,329 tỷ)

Điều 3.

- Giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận tổ chức thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân quận 3 giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 3 Khóa IX thông qua tại kỳ họp lần thứ 8 vào ngày 21 tháng 7 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Thân Thị Thư

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2006/NQ-HĐND

Quận 3, ngày 21 tháng 7 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

**Về quy hoạch kinh doanh ngành nghề “nhảy cảm”
trên địa bàn quận 3 trong năm 2006 - 2007**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 3
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 11/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa;

Căn cứ Thông tư số 54/2006/TT-BVHTT ngày 24 tháng 5 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn quy hoạch nhà hàng karaoke, vũ trường và quy định điều kiện cấp giấy kinh doanh vũ trường, karaoke;

Căn cứ Thông tư số 01/2001/TT-TCDL ngày 27 tháng 4 năm 2001 của Tổng cục Du lịch quy định điều kiện kinh doanh khách sạn;

Căn cứ Tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 3 về quy hoạch kinh doanh ngành nghề “nhảy cảm” trên địa bàn quận 3 trong năm 2006 - 2007; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân và ý kiến phát biểu của các đại biểu Hội đồng nhân dân,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua quy hoạch một số ngành nghề thương mại và dịch vụ trong lĩnh vực văn hóa - xã hội “nhảy cảm” để phát sinh tệ nạn xã hội trên địa bàn quận 3 trong năm 2006 - 2007 theo Tờ trình của Ủy ban nhân dân quận.

2. Giao cho Ủy ban nhân dân quận 3 trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 3 khóa IX thông qua tại kỳ họp lần thứ 8 vào ngày 21 tháng 7 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Thân Thị Thư

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 3****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2006/NQ-HĐND

Quận 3, ngày 21 tháng 7 năm 2006

NGHỊ QUYẾT**Về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020
và kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2006 - 2010) của quận 3****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 3
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2004/TT-BTNMT ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 3 về quy hoạch sử dụng đất của quận 3 đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010), báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của quận 3 theo Tờ trình của Ủy ban nhân dân quận.

2. Giao cho Ủy ban nhân dân quận 3 trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 3 khóa IX thông qua tại kỳ họp lần thứ 8 vào ngày 21 tháng 7 năm 2006./.

CHỦ TỊCH**Thân Thị Thư**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2006/NQ-HĐND

Quận 3, ngày 21 tháng 7 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 3 đến năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 3
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ đề nghị của Ban Quản lý dự án quy hoạch xây dựng (Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố) tại Văn bản số 39/2006-QLDA ngày 18 tháng 7 năm 2006 về việc thông qua nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung quận 3; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận 3,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 3 đến năm 2020 theo tỷ lệ 1/5000 do Ban Quản lý dự án quy hoạch xây dựng trình bày.

2. Giao cho Ủy ban nhân dân quận 3 phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 3 đến năm 2020 và thực hiện các bước tiếp theo sau khi được phê duyệt.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 3 khóa IX thông qua tại kỳ họp lần thứ 8 vào ngày 21 tháng 7 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Thân Thị Thu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2006/NQ-HĐND

Quận 3, ngày 21 tháng 7 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

Về thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2006

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 3
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan tư pháp quận 3; báo cáo thẩm tra của hai ban Hội đồng nhân dân quận; thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 3 và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân quận 3 về tình hình hoạt động của Hội đồng nhân dân trong sáu tháng đầu năm và chương trình công tác trong sáu tháng cuối năm 2006.

2. Thông qua báo cáo của Ủy ban nhân dân quận 3 về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong sáu tháng đầu năm và chương trình công tác trong sáu tháng cuối năm 2006.

Hội đồng nhân dân quận 3 nhấn mạnh một số vấn đề như sau:

Ủy ban nhân dân trong sáu tháng đầu năm đã có nhiều cố gắng trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Nhiều chỉ tiêu kế hoạch có tiến độ thực hiện tốt. Quận đã hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân, cơ bản hoàn tất việc di dời các hộ trong khuôn viên trường học, bệnh viện, cơ sở thể dục thể thao, y tế và bồi thường giải phóng mặt bằng theo dự án mở rộng đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Công tác quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực được tăng cường. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quận tiếp tục được giữ vững. Các hoạt động văn hóa - xã hội của Quận nhìn chung đều đạt kết quả tốt. Ngoài ra, Quận còn tập trung thực hiện bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước theo Nghị định số 61/CP, vận động nhân dân hiến đất mở rộng hẻm và chỉnh trang vỉa hè một số

tuyến đường, thực hiện cải cách hành chính, Chương trình mục tiêu “ba giảm”, xử lý vi phạm xây dựng theo Quyết định số 207/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố.

Bên cạnh đó, Quận cũng có một số vấn đề đáng lưu ý: chưa khởi công dự án đầu tư nào trong số các dự án đầu tư đã được ghi trong Nghị quyết Hội đồng nhân dân, công tác bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước tuy có tập trung thực hiện nhưng vẫn còn khó khăn do số lượng nhà khá lớn, trong đó có nhiều trường hợp vướng mắc. Trật tự đô thị ở một số tuyến đường vẫn còn phức tạp, chuyển biến chậm. An ninh trật tự tuy được giữ vững nhưng số vụ phạm pháp hình sự tăng so với thời gian cùng kỳ năm trước, án trộm cắp xảy ra nhiều, tệ nạn ma túy diễn biến phức tạp.

Hội đồng nhân dân quận đề nghị Ủy ban nhân dân lưu ý:

- Thực hiện tốt các công trình đầu tư, sửa chữa lớn theo kế hoạch năm 2006 và kiểm tra, đôn đốc, sớm khởi công các dự án đầu tư đã được ghi trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận.

- Kịp thời xử lý các trường hợp vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước theo Nghị định số 61/CP để cuối năm cơ bản hoàn tất việc bán nhà đối với những nhà có đủ điều kiện bán.

- Chỉ đạo giải quyết các trường hợp còn tồn đọng, trong đó có mối quan hệ phối hợp công tác giữa Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan chức năng của quận trong công tác vận động nhân dân hiến đất mở rộng hẻm.

- Tăng cường công tác kiểm tra trật tự đô thị, khắc phục tình trạng tái lấn chiếm vỉa hè.

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu “ba giảm”. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý người bị tù cho hưởng án treo; quản lý, giáo dục và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện hồi gia.

- Tổ chức tốt năm học 2006 - 2007. Không để các trường thuộc quận 3 thu tiền ngoài quy định của Nhà nước.

- Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 3 khóa IX thông qua tại kỳ họp lần thứ 8 vào ngày 21 tháng 7 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Thân Thị Thu

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 101/2006/QĐ-UBND

Quận 3, ngày 03 tháng 8 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình quận 3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ quy định về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 08/2005/TT-BXD ngày 06 tháng 5 năm 2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và xử lý chuyển tiếp thực hiện Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 98/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 7768/QĐ-UB-NCVX ngày 16 tháng 11 năm 1995 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc chuyển Ban quản lý công trình quận 3 thành Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình quận 3;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-UB ngày 18 tháng 12 năm 1996 của Ủy ban nhân dân quận 3 về việc ban hành Quy chế làm việc (tạm thời) của Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình quận 3;

Căn cứ Chỉ thị số 02/2005/CT-UB ngày 04 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban nhân dân quận 3 về việc rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế các Phòng ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 3;

Xét Công văn số 177/TT/QLDA ngày 22 tháng 6 năm 2006 của Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình quận 3;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 3 và báo cáo thẩm định số 174/BC-TP ngày 19 tháng 7 năm 2006 của Phòng Tư pháp quận 3,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình quận 3.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 107/QĐ-UB ngày 18 tháng 12 năm 1996 của Ủy ban nhân dân quận 3 về việc ban hành Quy chế làm việc (tạm thời) của Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình quận 3.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Nội vụ và Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình quận 3 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Văn Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH QUẬN 3
(Ban hành kèm theo Quyết định số 101/2006/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 3)

Chương I
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Chức năng

Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình quận 3 (sau đây gọi tắt là Ban QLDA quận 3) là đơn vị sự nghiệp, được thành lập bởi Quyết định số 7768/QĐ-UB-NCVX ngày 16 tháng 11 năm 1995 của Ủy ban nhân dân thành phố, có đầy đủ tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, hoạt động theo hình thức trực tiếp quản lý và điều hành dự án (Ban QLDA chuyên ngành) được quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về việc quản lý dự án - đầu tư xây dựng công trình.

Ban QLDA thực hiện chức năng làm chủ đầu tư các công trình xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn, duy tu có sử dụng vốn ngân sách trên địa bàn quận 3. Đối với các công trình sử dụng nguồn vốn khác, Ban QLDA quận 3 thực hiện vai trò quản lý và điều hành dự án theo hợp đồng ủy quyền cụ thể, được quy định tại Quyết định số 1408/QĐ-UB ngày 04 tháng 4 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Nhiệm vụ được phân công:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân quận 3 và các cơ quan cấp trên về các chủ trương đầu tư xây dựng cơ bản nhằm chỉnh trang đô thị, cải thiện những giá trị tiện ích và nâng cao điều kiện sống của một đô thị.

b) Xác lập thủ tục đầu tư từ giai đoạn đầu tư, thực hiện đầu tư cho đến khi kết thúc đầu tư với những nhiệm vụ cụ thể như sau:

* Tổ chức thực hiện hoặc tuyển chọn tư vấn để thực hiện các thủ tục về đầu tư và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- Điều tra, khảo sát, lập dự án đầu tư.

- Khảo sát thiết kế, lập và phê duyệt tổng dự toán, dự toán công trình. Giám sát kỹ thuật xây dựng, nghiệm thu bộ phận hoặc toàn bộ công trình thuộc dự án đầu tư.

- Lập hồ sơ mời thầu mua sắm vật tư, thiết bị. Giám sát chất lượng, số lượng vật tư thiết bị.

* Ký kết các hợp đồng xây lắp, mua sắm vật tư thiết bị, trợ giúp kỹ thuật và quản lý khai thác dự án (nếu có) với các đơn vị trúng thầu, để thực hiện nhiệm vụ thi công xây lắp công trình và các nhiệm vụ khác đã được ký kết hợp đồng.

* Quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong tổng dự toán được duyệt theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước. Các thay đổi phát sinh trong quá trình thực hiện phải được sự chấp thuận về chủ trương của cấp quyết định đầu tư. Phải thực hiện đầy đủ các thủ tục điều chỉnh theo đúng quy định.

* Theo dõi, kiểm tra, nghiệm thu và thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế, thanh toán các chi phí cho các tổ chức nhận thầu theo hợp đồng đã ký. Làm việc với các cơ quan chức năng để giải quyết các chế độ chính sách, định mức, đơn giá (nếu có).

* Tổ chức thực hiện các thủ tục về đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng (nếu có).

* Lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư hàng năm. Báo cáo quyết toán khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, trình duyệt theo quy định hiện hành.

c) Chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước trong quá trình điều hành quản lý dự án.

2. Các nhiệm vụ khác:

Tùy tình hình cụ thể, Ủy ban nhân dân quận 3 giao cho Ban QLDA tổ chức thực hiện một số công tác khác hoặc Chủ đầu tư ủy nhiệm của Ban QLDA điều hành dự án bằng văn bản.

Điều 3. Quyền hạn

1. Được quyền ký hợp đồng và sử dụng người lao động, bố trí nhân sự cho công tác chuyên môn theo tình hình thực tế của Ban.

2. Được quyền đề nghị các cơ quan quản lý Nhà nước cung cấp các thông tin có liên quan về việc thực hiện dự án mà Ban QLDA làm chủ đầu tư hoặc điều hành dự án.

3. Được quyền tham gia bàn bạc thảo luận các chủ trương đầu tư mà Ban QLDA được dự kiến làm chủ đầu tư.

4. Được quyền xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình quản lý điều hành dự án theo đúng quy định của Nhà nước.

5. Được quyền yêu cầu và đề xuất kỷ luật đối với các đơn vị đối tác và các đơn

vi thụ hưởng khi vi phạm các quy định về quản lý và điều hành dự án.

Điều 4. Các đối tượng quản lý

1. Các công trình xây dựng cơ bản, các công trình giải tỏa, sửa chữa lớn do ngân sách thành phố cấp hoặc cho vay theo kế hoạch hàng năm.

2. Các công trình xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách của quận.

3. Các công trình duy tu sửa chữa nhỏ, sửa chữa trường học, công sản hoặc các công trình sử dụng nguồn vốn khác.

Điều 5. Soạn thảo văn bản và thẩm quyền ký văn bản

1. Giám đốc ký các loại văn bản có liên quan đến chủ trương chính sách chung và liên quan đến tài chính, kế hoạch, báo cáo, hợp đồng, duyệt hồ sơ thiết kế dự toán, quyết toán công trình.

2. Phó Giám đốc ký các loại bản vẽ, văn bản hành chính theo chức năng và nhiệm vụ được phân công và khi có sự ủy quyền của Giám đốc, ký các quyết định chọn tư vấn, ký các loại giấy tờ thông thường như giấy giới thiệu, thư mời, các thông báo nội bộ.

3. Các Tổ nghiệp vụ có nhiệm vụ soạn thảo văn bản tham mưu đề xuất cho lãnh đạo những lĩnh vực có liên quan đến Tổ mình đảm trách. Bản thảo văn bản phải được Giám đốc duyệt trước khi hoàn thiện. Sau đó cán bộ phụ trách chịu trách nhiệm nhân bản, gửi đi và lưu trữ theo đúng quy định Nhà nước.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH CƠ QUAN

Điều 6. Cơ cấu tổ chức bộ máy

1. Ban QLDA quận 3 tổ chức và hoạt động theo chế độ thủ trưởng.

2. Ban QLDA quận 3 có một Giám đốc và các Phó Giám đốc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bổ nhiệm.

a) Giám đốc:

Là chủ tài khoản và trực tiếp quản lý, điều hành dự án, chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Ban trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận. Trực tiếp phụ trách công tác tổ chức, hành chính, kế hoạch, ký kết các hợp đồng kinh tế, tài chính, nhân sự của Ban.

b) Các Phó Giám đốc phụ trách chuyên môn:

Là người giúp việc cho Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trước Giám đốc về việc tổ chức thực hiện công tác quản lý kỹ thuật chuyên môn của Ban, theo kế

hoạch chung. Được ký các loại bản vẽ hiện trạng và kỹ thuật, các văn bản hồ sơ có liên quan. Trực tiếp ký các bản vẽ hoàn công, ký nghiệm thu từng giai đoạn thi công công trình, ký nghiệm thu các sản phẩm thiết kế. Chịu trách nhiệm kiểm tra hồ sơ quyết toán trước khi trình Giám đốc. Điều hành cơ quan theo ủy quyền cụ thể khi Giám đốc đi vắng. Về số lượng các Phó Giám đốc sẽ căn cứ theo tình hình thực tiễn của Ban mà Ủy ban nhân dân thành phố sẽ có quyết định điều động hoặc bổ nhiệm. Nhiệm vụ các Phó Giám đốc sẽ do Giám đốc quyết định, có phụ lục phân công nhiệm vụ cụ thể đính kèm theo Quy chế.

3. Các Tổ chuyên môn:

Ban có 04 tổ được phân công thực hiện các mặt công tác chuyên môn nghiệp vụ. Tổ trưởng do Giám đốc bổ nhiệm. Riêng kế toán trưởng do Thành phố bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các mặt công tác của Tổ.

a) Tổ Kế hoạch - Kỹ thuật:

- Lập và theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch của Ban.
- Tổng hợp, báo cáo định kỳ theo quy định báo cáo thống kê hiện hành.
- Tổ chức lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, lập tổng dự toán.
- Lập thủ tục có liên quan đến đất đai, đền bù, giải phóng mặt bằng (nếu có).
- Giám sát thi công, thực hiện đầy đủ các thủ tục quản lý xây dựng cơ bản theo quy định của Nhà nước đối với các công trình do Ban quản lý thực hiện.
- Kiểm tra dự toán thi công, quyết toán các công trình.
- Tổ chức nghiệm thu kỹ thuật, nghiệm thu bàn giao theo quy định.

b) Tổ Thẩm định và đấu thầu:

- Thẩm định thiết kế chi tiết và tổng dự toán công trình, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tính chính xác và trung thực của hồ sơ thẩm định.
- Tham mưu cho Ban Giám đốc về chọn tư vấn đấu thầu, xác minh hồ sơ về năng lực các nhà thầu trong công tác sơ tuyển và tuyển chọn.

- Xác lập kế hoạch đấu thầu và tổ chức đấu thầu theo đúng quy định của Nhà nước.

c) Tổ Kế toán:

- Lập kế hoạch kinh phí, tổ chức tiếp nhận và sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định.
- Thanh quyết toán kinh phí xây dựng công trình theo tiến độ, đồng thời thực hiện chế độ báo cáo quyết toán các công trình hoàn thành theo đúng quy định hiện hành.
- Hạch toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

- Quản lý hồ sơ lao động và tiền lương của Ban.

d) Tổ Hành chính:

- Quản lý hành chính văn thư lưu trữ. Tiếp nhận và xử lý thông tin đến và thông tin đi. Có chế độ bảo mật văn bản theo đúng quy định.

- Quản lý cơ sở vật chất của Ban.

- Bảo vệ cơ quan.

4. Phân công cụ thể:

Nhân viên hợp đồng của Ban được phân công nhiệm vụ cụ thể theo phụ lục đính kèm. Căn cứ tình hình thực tế ở cơ quan và tình hình khối lượng công việc mà Giám đốc sẽ phân công thêm công tác cho cán bộ, công nhân viên của Ban hoặc tuyển thêm lao động thời vụ theo chế độ hợp đồng khoán việc, nhằm hoàn thành kế hoạch được giao.

Điều 7. Chế độ tài chính

Ban QLDA quận 3 là một đơn vị có tính chất sự nghiệp, áp dụng chế độ tài chính theo tinh thần Thông tư số 98/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2003 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước, như sau:

1. Về nguồn thu:

Nguồn thu của Ban được tính theo tỷ lệ quy định đối với các công trình do Ban làm chủ đầu tư hoặc điều hành dự án.

2. Về chế độ chi:

- Ban QLDA quận 3 được hạch toán toàn bộ kinh phí thu được để cân đối cho chi phí hoạt động của Ban, chi theo quy định được hướng dẫn tại Thông tư số 98/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2003 của Bộ Tài chính. Hàng năm, Ban phải lập dự toán thu và dự toán chi phí quản lý dự án trình Ủy ban nhân dân phê duyệt (Căn cứ kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản được giao).

- Dự toán chi phí quản lý dự án có hai phần:

+ Chi thường xuyên: bao gồm các khoản chi hàng năm theo đúng định mức quy định đối với một đơn vị sự nghiệp.

+ Chi không thường xuyên: bao gồm các khoản chi phí tăng thêm khi đơn vị có tổng thu lớn hơn tổng chi thường xuyên trong năm. Nội dung các khoản chi không thường xuyên sẽ do Hội nghị cán bộ công chức thảo luận và biểu quyết. Tổng dự toán chi thường xuyên và không thường xuyên không được vượt quá tổng dự toán thu theo kế hoạch hàng năm.

Điều 8. Chế độ lao động tiền lương

- Ban Giám đốc và Kế toán trưởng là cán bộ biên chế của Ủy ban nhân dân quận. Chế độ tiền lương do Ủy ban nhân dân quận 3 quản lý.

- Nhân viên hợp đồng của Ban được ký hợp đồng lao động không thời hạn hoặc có thời hạn và được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định. Mức lương của từng người lao động do Giám đốc Ban quyết định căn cứ chuyên môn nghiệp vụ và công việc được giao. Việc nâng lương được thực hiện định kỳ theo quy định của Nhà nước và do Hội đồng cơ quan xét duyệt. Kết quả xét nâng lương phải được trình duyệt Phòng Nội vụ quận 3 trước khi ra quyết định.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 9. Chế độ làm việc

1. Công tác tiếp nhận và lưu trữ công văn:

a) Đối với công văn đến:

Tổ Hành chính tiếp nhận toàn bộ công văn đến, ghi vào sổ công văn đến, chuyển cho Giám đốc xử lý, chịu trách nhiệm phân phối cho các Tổ và các đơn vị có liên quan và sau đó lưu trữ tất cả các loại công văn đến, tổ chức quản lý, đảm bảo yêu cầu lưu trữ và truy xuất nhanh chóng khi Giám đốc yêu cầu.

b) Đối với công văn đi:

Tất cả công văn đi phải được lưu tại Tổ Hành chính và các bộ phận có liên quan (ghi rõ trong phần nơi nhận của văn bản phát hành).

Tổ Hành chính và các Tổ có liên quan phải có sổ truy cập riêng để theo dõi nội dung công văn và tiến độ giải quyết.

Các văn bản của Ban QLDA được soạn thảo và trình bày theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chế độ báo cáo:

- Các Tổ chuyên môn chủ động báo cáo công tác định kỳ theo quy định của quận và của thành phố. Các báo cáo phải nộp đúng thời hạn có phần đánh giá và kiến nghị.

- Các Tổ phải tổ chức chế độ thông tin báo cáo trong nội bộ Tổ để đáp ứng yêu cầu công tác của Tổ và yêu cầu công tác của Ban. Thực hiện nguyên tắc đi báo việc về báo công. Toàn thể cán bộ, công nhân viên chức của Ban thực hiện chế độ báo cáo tuần, báo cáo đột xuất, báo cáo nhanh một cách kịp thời.

- Đối với các vấn đề có tính cấp bách và khẩn trương có thể báo cáo trực tiếp cho Giám đốc để xin ý kiến chỉ đạo giải quyết.

3. Chế độ khen thưởng, kỷ luật:

Các công chức chấp hành tốt Quy chế này sẽ được biểu dương, khen thưởng. Nếu vi phạm thì sẽ tùy theo mức độ sai phạm sẽ chịu hình thức kỷ luật theo quy định của Nhà nước.

4. Thời gian làm việc:

- Ban làm việc từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần. Tùy tình hình thực tế có thể làm việc ngày thứ bảy.

- Giờ làm việc: Sáng: từ 7 giờ 30 đến 12 giờ 00

Chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00

5. Các quy định khác:

- Trang phục cơ quan nghiêm chỉnh.

- Tác phong đúng mực, quan hệ hòa nhã đoàn kết.

- Họp giao ban cơ quan mỗi tháng một lần, tùy tình hình thực tế có thể họp nhiều lần.

Điều 10. Quan hệ công tác

Ban QLDA quận 3 có các mối quan hệ công tác như sau:

1. Đối với Ủy ban nhân dân quận 3: Ban QLDA chịu sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận 3. Giám đốc trực tiếp tiếp nhận chỉ đạo đồng thời báo cáo với Ủy ban nhân dân quận 3 tình hình thực hiện kế hoạch và nhiệm vụ của Ban.

2. Đối với các Sở, ngành, Kho bạc thành phố: Ban QLDA chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các Sở: Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên - Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài chính và các Sở khác có liên quan, Khi triển khai thực hiện các công tác theo hướng dẫn của các cơ quan ngành dọc cấp trên, Ban QLDA phải xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận. Nếu chưa có sự thống nhất chỉ đạo giữa Ủy ban nhân dân quận với các Sở nghiệp vụ, Ban QLDA thực hiện theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận, đồng thời báo cáo cho các sở - ngành có liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận và Kho bạc quận 3: quan hệ giữa Ban QLDA với các phòng ban chuyên môn và đoàn thể trực thuộc quận là mối quan hệ phối hợp, bình đẳng, có trách nhiệm giúp đỡ lẫn nhau, tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ chung của quận. Kế hoạch của Ban QLDA là một phần trong kế hoạch chung của quận, được Ủy ban nhân dân quận 3 và Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

4. Đối với Ủy ban nhân dân 14 phường quận 3: phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân 14 phường trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn các phường. Đối với Ủy ban nhân dân phường mà Ban QLDA có trụ sở đặt tại địa bàn phường đó thì Ban QLDA có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

5. Đối với các đơn vị tư vấn và nhà thầu (gọi chung là đối tác): là mối quan hệ đối tác, được chi phối và điều chỉnh bởi Luật Dân sự và các quy định có liên quan đến việc thực hiện và quản lý điều hành dự án.

6. Đối với các đơn vị thụ hưởng: là mối quan hệ hợp tác, công trình hoàn thành được bàn giao trực tiếp. Các đơn vị thụ hưởng có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh chế độ bảo hành, bảo trì, quản lý công trình khi khai thác sử dụng.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 11. Giám đốc Ban QLDA quận 3 có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này và trong quá trình thực hiện cần nghiên cứu, đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế cho phù hợp, sau khi có sự trao đổi thống nhất với Phòng Nội vụ quận.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Thành

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng